

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DSC
DSC SECURITIES CORPORATION

-----***-----

Số: 2503./2025/CBTT-DSC

No. /2025/CBTT-DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

-----***-----

Hà Nội, Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Hanoi, March 25, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ *PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam
- Vietnam Stock Exchange
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Hanoi Stock Exchange



1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Organization name: ***DSC SECCURITIES CORPORATION***

Mã Chứng khoán: DSC

Mã Thành viên: 024

Stock code: DSC

Member code: 024

Địa chỉ: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Address: 2nd Floor, Thanh Cong Building, 80 Dich Vong Hau street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, Hanoi

Điện thoại liên hệ: +84 243 880 3456

Fax: +84 243 783 2189

Tel: +84 243 880 3456

Fax: +84 243 783 2189

Email: info@dsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố (*):

Disclosed information (*):

Công ty Cổ phần Chứng Khoán DSC (“DSC”) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty.

DSC Securities Corporation (“DSC”) hereby discloses the 2024 Annual Report of the Company.

Toàn văn Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty đã được đăng tải tại Mục “Quan hệ Cổ đông” trên website của Công ty tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/>.

The full text of the 2024 Annual Report has been published in the “Investor Relations” section on the Company’s website at the following link: <https://dsc.com.vn/>.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/3/2025 tại đường dẫn: <https://dsc.com.vn/> của Công ty.

This information has been disclosed on the Company's website on March 25, 2025, at the link: <https://dsc.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full responsibility before the law for the accuracy and content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024

Attached documents:

- 2024 Annual Report

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC**

REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION

CHIEF OF EXECUTIVE



BẠCH QUỐC VINH



Báo cáo
thường niên **2024**



Bảng ký tự viết tắt

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
CP	Cổ phiếu/ Cổ phần
CTCP	Công ty cổ phần
DHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	Điều lệ của CTCP Chứng khoán DSC
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DNSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC)
DSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
DTT	Doanh thu thuần
GVBH	Giá vốn bán hàng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LNG	Lợi nhuận gộp
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NĐT	Nhà đầu tư
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TCTD	Tổ chức tín dụng
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSLĐ	Tài sản lưu động
UBCK/UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước





Nội dung chính

Thư của Chủ tịch HĐQT

06 Thư của Chủ tịch HĐQT

Những con số ấn tượng 2024

08 Những con số ấn tượng 2024

Tổng quan DSC

- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 13 Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 15 Cơ cấu cổ đông
- 16 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- 18 Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý
- 20 Hội đồng Quản trị
- 22 Ban Kiểm soát
- 24 Ban Điều hành
- 26 Ngành nghề kinh doanh
- 26 Định hướng phát triển
- 27 Địa bàn hoạt động

Kết quả hoạt động 2024

28 Thử thách tạo nền móng

Báo cáo kết quả hoạt động

- 32 Tình hình tài chính
- 34 Kết quả kinh doanh
- 34 Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019 – 2024
- 35 Kết quả kinh doanh so với năm trước
- 36 Mức độ hoàn thành kế hoạch năm
- 37 Báo cáo kết quả hoạt động các khối
- 38 Khối vận hành
- 38 Khối công nghệ thông tin
- 40 Khối khách hàng cá nhân
- 40 Hoạt động quản trị rủi ro

Chiến lược phát triển 2025

44 Phân tích và nhận định thị trường 2025

Vĩ mô trong 2025

- 48 Tinh gọn bộ máy chính trị
- 48 Các điều luật mới
- 50 Đánh giá chu kỳ kinh tế
- 51 Đánh giá chu kỳ kinh tế Việt Nam năm 2024 – 2025
- 51 Mục tiêu ổn định vĩ mô
- 52 Phát triển nguồn nhân lực
- 54 Phát triển công nghệ
- 55 Phát triển các hoạt động truyền thông
- 56 Phát triển các hoạt động Marketing
- 57 Nâng cao hiệu quả Quản trị rủi ro

Quản trị công ty

- 60 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 61 Hoạt động quản trị doanh nghiệp
- 65 Quan hệ nhà đầu tư

Phát triển bền vững

68 Định hướng và chính sách nhân sự

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- 03 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 05 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 06 Báo cáo tài chính
- 09 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tài chính
- 10 Báo cáo kết quả hoạt động
- 12 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 14 Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng
- 15 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- 17 Thuyết minh báo cáo tài chính





Thư của Chủ tịch HĐQT

“Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý đối tác!

Năm 2024, dù thị trường chứng khoán và nền kinh tế đối mặt với nhiều biến động, DSC vẫn đạt kết quả kinh doanh ấn tượng nhờ chiến lược chuyển đổi số và đầu tư công nghệ. Doanh thu đạt **505.6 tỷ đồng (+15%)**, lợi nhuận trước thuế **220.69 tỷ đồng (+47%)**, ROE thuộc TOP đầu công ty chứng khoán cùng quy mô, thị phần môi giới **TOP 15 trên HNX và UPCOM**. Đáng chú ý, ngày 24/09/2024, DSC đã chính thức được chấp thuận, niêm yết tại HOSE và đã có phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 24/10/2024.

Về hoạt động quản trị và điều hành, DSC đã, đang và tiếp tục duy trì, đẩy mạnh phát triển công nghệ, tối ưu hóa mô hình kinh doanh và quản trị rủi ro. DSC đặt mục tiêu **tăng trưởng mạnh**, mở rộng thị phần, đầu tư số hóa và nâng cao trải nghiệm khách hàng và trở thành công ty chứng khoán số trong 3 năm tới.

Bước sang năm 2025, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, đặc biệt là cơ hội từ việc nâng hạng thị trường lên mới nổi, DSC phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh với lợi nhuận trước thuế đạt 298.6 tỷ đồng và ROE đạt 8.83%.

DSC không chỉ là một tổ chức tài chính, mà còn là đối tác tin cậy, người đồng hành trên con đường chuyển đổi số. Chúng tôi cam kết không ngừng phát triển và cung cấp những công cụ, sản phẩm, dịch vụ thông minh nhất với chi phí hợp lý và tốc độ nhanh nhất, để hỗ trợ quý khách hàng vượt qua mọi thách thức, tận dụng mọi cơ hội đầu tư, đồng hành với khách hàng trên con đường **THÀNH CÔNG**.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động, chúng ta không thể giữ nguyên mô hình truyền thống mà cần phải thay đổi linh hoạt, thích nghi nhanh và đổi mới. DSC cam kết đồng hành cùng cổ đông, khách hàng và đối tác, không ngừng đổi mới để vững bước trên con đường **phát triển bền vững và thành công**. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng DSC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Đức Anh



Những con số ấn tượng 2024

Kết quả kinh doanh



Tổng doanh thu

Tăng **19%** so với kế hoạch
Tăng **15%** so với 2023



Lợi nhuận trước thuế

Tăng **10%** so với kế hoạch
Tăng **47%** so với 2023



Tổng tài sản

Tăng **40%** so với 2023



Dư nợ cho vay

Tăng **47%** so với 2023

Quản trị và vận hành

Giá trị tài sản của khách hàng

9.806 tỷ đồng

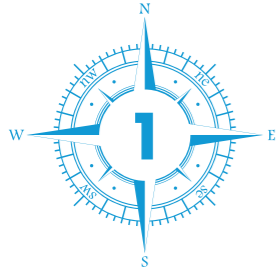
(31/12/2024) Tăng 16% so với đầu năm

Go-Live Hệ sinh thái Tư vấn số DSC

Chính thức đi vào vận hành hệ sinh thái tư vấn DSC với sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu gồm: DSC Tư vấn số, DSC AI Chatbot, DSC Forum...

Sẵn sàng vận hành hệ thống KRX

DSC trở thành một trong số ít công ty chứng khoán hoàn thành 100% kịch bản kiểm thử và sẵn sàng Go-live hệ thống KRX theo yêu cầu của SGDCK & VSDC



Tổng quan về DSC

- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 13 Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 15 Cơ cấu cổ đông
- 16 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- 18 Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý
- 20 Hội đồng Quản trị
- 22 Ban kiểm soát
- 24 Ban điều hành
- 26 Ngành nghề kinh doanh
- 26 Định hướng phát triển
- 27 Địa bàn hoạt động

Báo cáo
thường niên **2024**





Thông tin doanh nghiệp



Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tên viết tắt

DSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 18/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh liên quan.

Mã chứng khoán (HOSE)

DSC

Vốn điều lệ

2.048.389.250.000 VND

Trụ sở chính

Tầng 2 – Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Chi nhánh/Phòng giao dịch

DSC – Phòng Giao dịch Hàm Long

DSC – Chi nhánh Đà Nẵng

DSC – Chi nhánh TP.HCM

Website

www.dsc.com.vn

Điện thoại

+84 24 3880 3456 (Khu vực Miền Bắc – Hà Nội)

+84 236 3888 588 (Khu vực Miền Trung – Đà Nẵng)



Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thành công của DSC được tạo dựng từ niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng. DSC cam kết bằng trách nhiệm cao nhất của mình luôn đồng hành, hỗ trợ để cùng khách hàng hướng tới thành công.

Sứ mệnh

Mang lại sự thành công và thịnh vượng cho khách hàng. Với phương châm “Đồng hành cùng Thành Công”, DSC mong muốn mang đến những tư vấn chuyên sâu, các giải pháp tài chính hiệu quả, cơ hội đầu tư đa dạng nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng.

Giá trị cốt lõi

Luôn đặt lợi ích và những trải nghiệm của khách hàng là mục tiêu hàng đầu, chúng tôi tự tin trong việc thích ứng các xu hướng thị trường mới với nền tảng công nghệ hiện đại từng bước góp phần xây dựng thị trường vốn minh bạch để đồng hành cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Giải thưởng

T6/2024 – DSC được vinh danh tại DIỄN ĐÀN CẤP CAO CỔ VẤN TÀI CHÍNH VIỆT NAM 2024 với 2 hạng mục gồm:



1. Sản phẩm công nghệ & chuyển đổi số tiêu biểu



2. Dịch vụ quản lý tài sản đầu tư tiêu biểu



Lịch sử hình thành và phát triển

2006

Thành lập **CTCP Chứng khoán Đà Nẵng** (viết tắt: DNSC), là công ty chứng khoán đầu tiên tại Miền Trung Việt Nam được UBCK cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh. Số vốn điều lệ ban đầu của công ty là **22 tỷ đồng**. Trụ sở ban đầu đặt tại Hải Châu, Đà Nẵng.

2007

DNSC được công nhận tư cách thành viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2008

DNSC tăng vốn điều lệ lên **50 tỷ đồng**.

2012

DNSC tăng vốn điều lệ lên **60 tỷ đồng**.

2018

Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là DSC.

2021

- Công ty chính thức đổi tên thành **Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**.
- Phát hành thành công 94 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ lên **1.000 tỷ đồng**.
- Trụ sở chính của Công ty được chuyển tới địa chỉ: **Tầng 2, Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Tự doanh Chứng khoán và bảo lãnh phát hành.

2022

Mở rộng mạng lưới kinh doanh với 02 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, khai trương Phòng giao dịch tại Số 14 – 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2023

Tăng vốn điều lệ Công ty lên **2.048 tỷ đồng**.

2024

- Chuyển chi nhánh Đà Nẵng về địa chỉ: Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Cổ phiếu Công ty chính thức được **niêm yết trên sàn HOSE** vào ngày 24/9/2024, chính thức giao dịch vào ngày 24/10/2024.

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	142.999.800	69,8109%	2	1	1
	- Trong nước	142.999.800	69,8109%	2	1	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu CP ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	61.839.125	30,1891%	1.435	3	1.432
	- Trong nước	61.819.425	30,1795%	1.428	1	1.427
	- Nước ngoài	19.700	0,0096%	7	2	5
	Tổng cộng	204.838.925	100%	1.437	4	1.433
	- Trong nước	204.819.225	99,9904%	1.430	2	1.428
	- Nước ngoài	19.700	0,0096%	7	2	5

(Theo danh sách cổ đông tại ngày 03/03/2025 do VSDC cung cấp)



Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Hình thức tăng vốn
Lần 1	12/2006	22.000.000.000	Góp vốn thành lập công ty
Lần 2	06/2008	50.000.000.000	Chào bán CP cho cổ đông hiện hữu và CBNV
Lần 3	05/2012	60.000.000.000	Chào bán CP riêng lẻ
Lần 4	09/2021	1.000.000.000.000	Chào bán CP riêng lẻ
Lần 5	08/2023	2.048.389.250.000	Chào bán CP ra công chúng: 99.955.225 CP Phát hành CP cho người lao động theo chương trình lựa chọn: 4.883.700 CP



Cổ phần

Tổng số CP đang lưu hành: **204.838.925**

Tổng số CP hạn chế chuyển nhượng: **146.062.220**

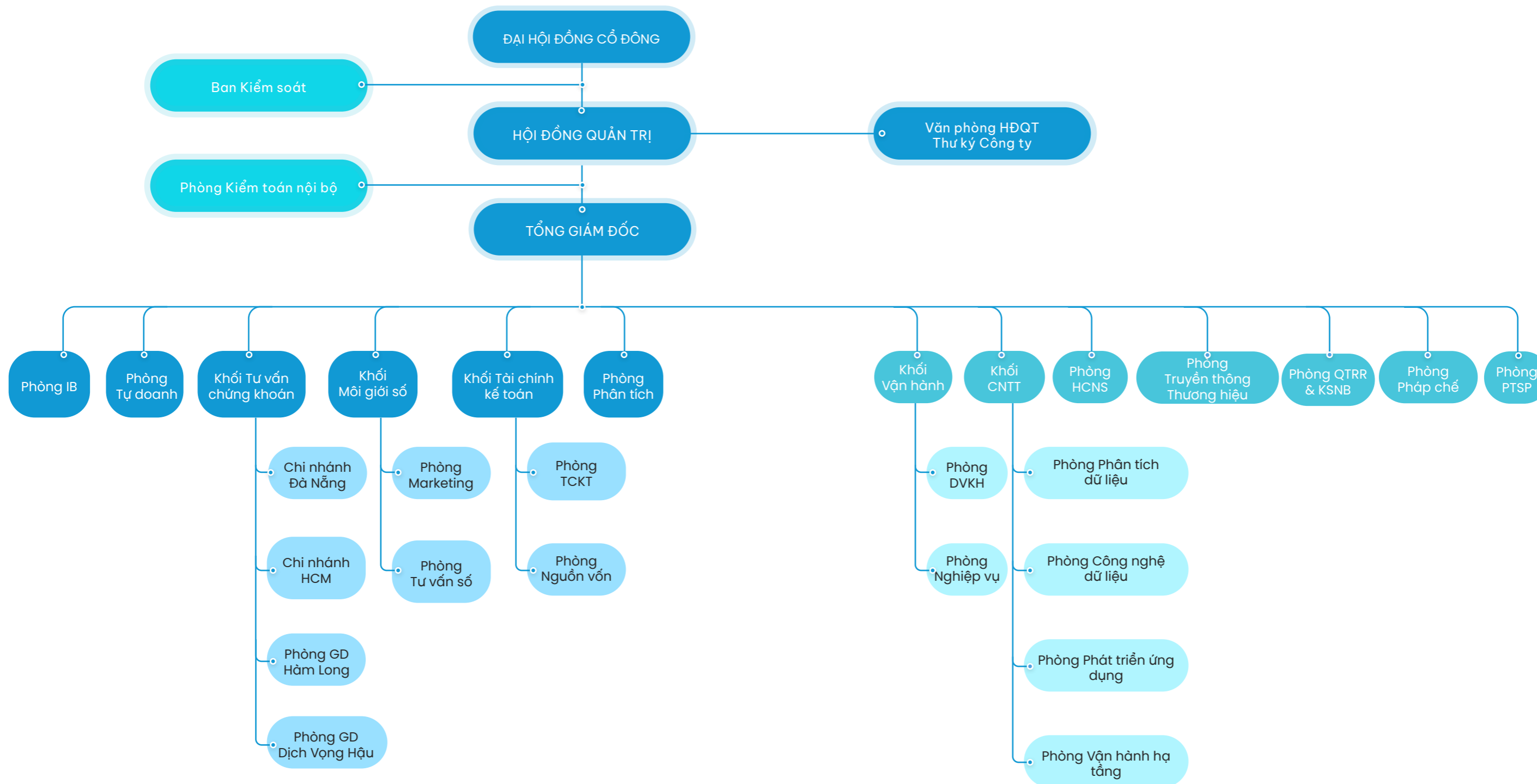
Loại CP hạn chế	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Lý do hạn chế chuyển nhượng
(A)	143.385.500	143.385.500 CP (100%) từ ngày 24/10/2024 đến ngày 24/04/2025	Hạn chế chuyển nhượng theo cam kết nắm giữ chứng khoán của Thành viên HĐQT, Trưởng BKS, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn là người liên quan, Kế toán trưởng khi cổ phiếu DSC được niêm yết tại SGDCK TP.HCM
		71.692.750 CP (50%) từ ngày 24/04/2025 đến ngày 24/10/2025	
		126.750 CP từ ngày 04/07/2024 đến ngày 04/07/2025	Hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành của chương trình lựa chọn cho người lao động của DSC năm 2023
(B)	2.676.720	126.750 CP từ ngày 04/07/2025 đến ngày 04/07/2026	
		1.338.360 CP đến ngày 04/07/2025 1.338.360 CP đến ngày 04/07/2026	Hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành của chương trình lựa chọn cho người lao động của DSC năm 2023

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Đức Anh	001095043818	Kính Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	35,6377%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	0109537681	Tầng 8, Thành Công Building, Số 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	34,1732%



Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN ĐỨC ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Năm sinh:
1995

Thời điểm bổ nhiệm:
08/01/2021

Số lượng chứng khoán sở hữu:
72.999.800

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư NTP
Chủ tịch HĐQT – CTCP Thành Công Motor Việt Nam

Thành tựu nổi bật:

Ông Nguyễn Đức Anh – Thạc sỹ ngành Kinh tế tại UMASS Boston University. Ông là lãnh đạo trẻ đầu tiên xây dựng sự nghiệp thành công tại DSC từ những ngày đầu M&A và tái cấu trúc Công ty. Dưới sự lãnh đạo sát sao của ông, DSC đã có những bước tiến thần tốc về quy mô hoạt động, đội ngũ nhân sự, đặc biệt là hiệu quả hoạt động tương đương với những công ty chứng khoán cùng quy mô vốn đã hoạt động hơn 17 năm trên thị trường.



ÔNG BẠCH QUỐC VINH

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh**

Năm sinh: **1975**

Thời điểm bổ nhiệm: **20/4/2022**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **300.000**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT – CTCP Quản lý quỹ NTP

Thành tựu nổi bật:

Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ trường Irvine University, đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm. Dưới sự lãnh đạo của ông Bạch Quốc Vinh, sau hơn 3 năm tái cơ cấu, DSC đã có sự phát triển vượt bậc về quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho DSC phát triển bền vững trong thời gian tới



ÔNG VŨ NHẬT LÂM

Thành viên HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

Năm sinh: **1974**

Thời điểm bổ nhiệm: **26/7/2021**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **25.000**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành tựu nổi bật:

Ông Vũ Nhật Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các ngân hàng TMCP lớn trong nhiều năm. Đồng hành cùng DSC từ giai đoạn bắt đầu tái cơ cấu, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc định hướng chiến lược để DSC phát triển bền vững, hiệu quả.

Giới thiệu HĐQT

Tính đến ngày 31/12/2024, cơ cấu Thành viên HĐQT công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	72.999.800	35,6377
2	Bạch Quốc Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	300.000	0,1465
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	6.059.800	2,9583
4	Vũ Nhật Lâm	Thành viên HĐQT	25.000	0,0122



BÀ NGUYỄN THỊ THU HÀ

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

Năm sinh: **1986**

Thời điểm bổ nhiệm: **08/01/2021**

Số lượng chứng khoán sở hữu: **6.059.800**

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT – CTCP Đầu tư NTP

Thành tựu nổi bật:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài sản, tài chính kế toán và nắm giữ vị trí chủ chốt tại DSC từ những ngày đầu M&A.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC

Trưởng ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với hơn 35 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, bà Hiền Ngọc đã từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công; Trưởng văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội.



BÀ BÙI THỊ NGỌC LY

Thành viên Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công



BÀ LÊ THỊ LIÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công.



BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG BẠCH QUỐC VINH

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm: 2022

Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ trường Irvine University, Ông Vinh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm. Trong giai đoạn Ông Vinh công tác tại DSC, tình hình kinh doanh của Công ty đã có nhiều bước phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả về tầm nhìn, chiến lược hoạt động, mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, trình độ công nghệ, chính sách quản lý, thị trường và khách hàng. Đồng hành với DSC chỉ trong hơn 03 năm, Ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty.



ÔNG TRẦN MINH TOÀN
Giám đốc Khối Tài chính Kế toán

Ông Trần Minh Toàn có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông cũng là những nhân sự cấp cao đầu tiên xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính, giúp DSC mở rộng mảng kinh doanh tài chính.



ÔNG NGUYỄN HỮU THỊNH
Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Nguyễn Hữu Thịnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân, có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành tư vấn đầu tư chứng khoán. Sau 03 năm đồng hành cùng DSC, ông Thịnh đã nhanh chóng xây dựng và phát triển Khối Tư vấn Chứng khoán với hơn 100 nhân sự đầy đặn kinh nghiệm ở 3 miền.



BÀ NGUYỄN THỊ TÚ ANH
Giám đốc Khối Vận hành

Bà Nguyễn Thị Tú Anh cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính với hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực Kế toán, Dịch vụ khách hàng, QTRR & KSNB tại các công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam.



ÔNG ĐỖ TIẾN HƯNG
Giám đốc Khối CNTT

Ông Hưng với kinh nghiệm dày dặn, gắn bó với DSC từ những ngày đầu đã xây dựng các quy trình, sản phẩm tân tiến nhằm nâng cao cải thiện trải nghiệm của khách hàng, điều phối và vận hành hệ thống mạng nội bộ ngày càng phát triển, tham gia nhiều dự án lớn của DSC.



ÔNG TRƯƠNG THÁI ĐẠT
Giám đốc Khối Tư vấn số

Ông Trương Thái Đạt - có 10 năm kinh nghiệm trong mảng đầu tư và 7 năm trong lĩnh vực phân tích đầu tư. Với kinh nghiệm trong mảng phân tích kỹ thuật tài sản tài chính và xây dựng hệ thống giao dịch tự động, ông đóng vai trò phát triển và quản lý cấp cao các hệ thống định lượng và tư vấn số của DSC.



NGHÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy phép hoạt động chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật)	7020	X
2	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán; môi giới chứng khoán phái sinh (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	6612	
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chứng khoán (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng)	6612	
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tự doanh chứng khoán phái sinh; bảo lãnh phát hành chứng khoán; Hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán; Dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng môi giới của mình (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) (Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật) Chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép	6619	



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Miền Bắc



Trụ sở chính

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội



PGD Hàm Long – Hà Nội

14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Miền Trung



Chi nhánh Đà Nẵng

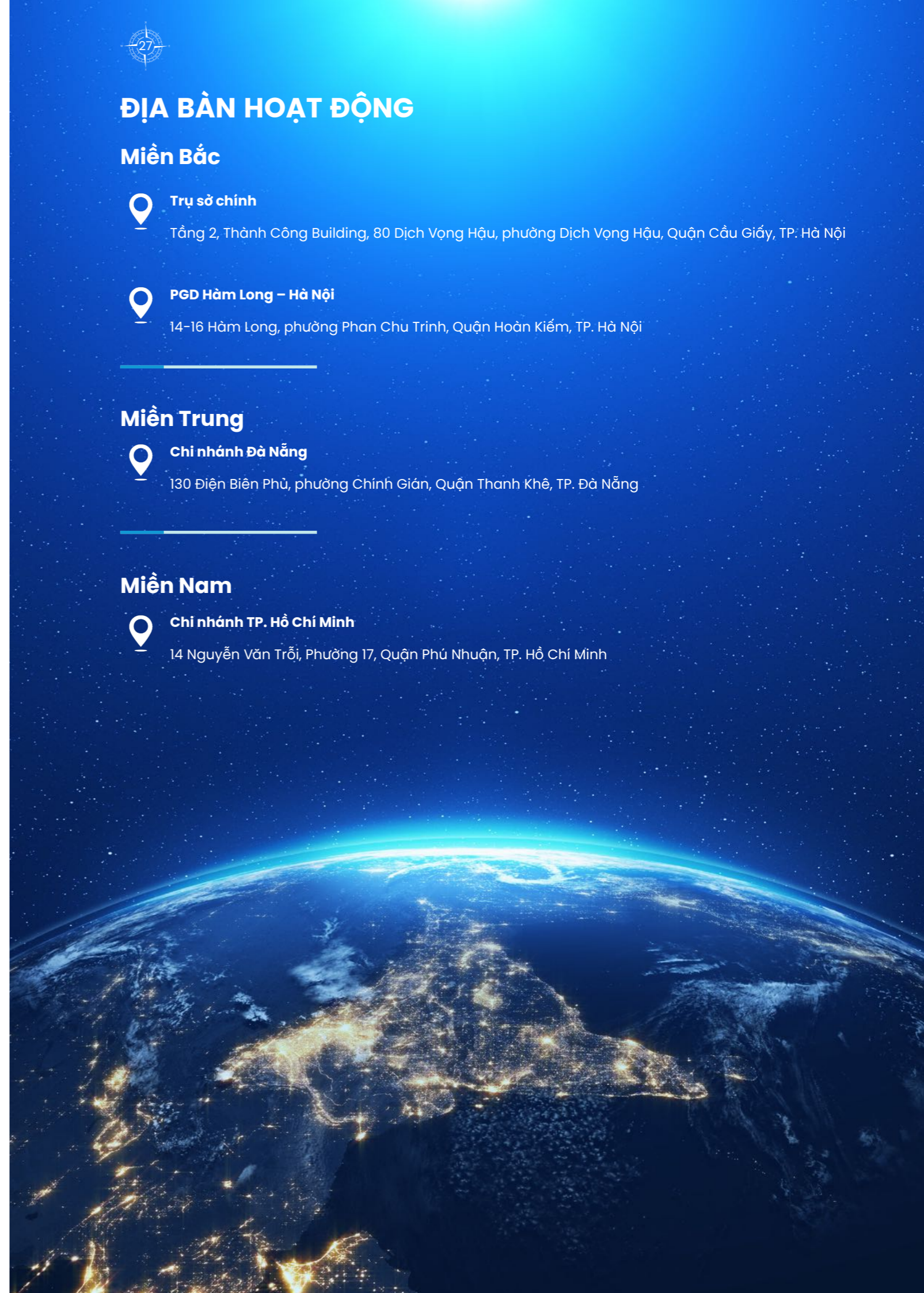
130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

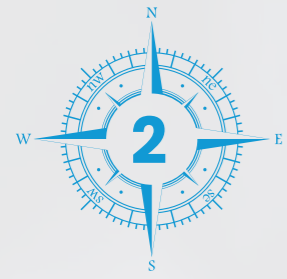
Miền Nam



Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024

THỬ THÁCH TẠO NỀN MÓNG

Thử thách

Năm 2024, Việt Nam ưu tiên ổn định tỷ giá USD/VND với mức biến động dưới 5%, tuy nhiên, dự trữ ngoại hối đã giảm còn 80 tỷ USD.

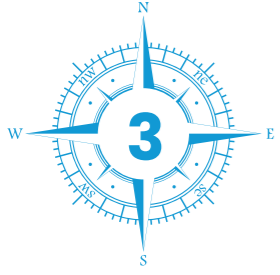
Bên cạnh đó, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với kỷ lục gần 92.000 tỷ đồng cũng tạo nên tâm lý e ngại đối với nhà đầu tư trong nước.

Tại Mỹ, chính sách "America First" của Tổng thống Donald Trump hút dòng tiền đầu tư chảy về các tài sản sử dụng USD, tạo áp lực lên thị trường cận biên & mới nổi, dự kiến tình trạng này sẽ kéo dài đến hết nửa đầu 2025.

Nền móng

TTCK Việt Nam duy trì tăng trưởng 12% với sức "đề kháng" tốt, VN-Index không điều chỉnh quá 15% và độ biến động thấp nhất từ tháng 7/2023. Số lượng cổ phiếu có xu hướng tăng dài hạn (HSX) đã chạm đáy 33% và cải thiện vào 02 tháng cuối năm. Có thể nói, thị trường đã sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng và thử thách tiếp theo.





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- 32 Tình hình tài chính
- 34 Kết quả kinh doanh
- 34 Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019 - 2024
- 35 Kết quả kinh doanh so với năm trước
- 36 Mức độ hoàn thành kế hoạch năm
- 37 Báo cáo kết quả hoạt động các khối
- 38 Khối Vận hành
- 38 Khối Công nghệ thông tin
- 40 Khối Khách hàng cá nhân
- 40 Hoạt động quản trị rủi ro

Báo cáo thường niên **2024**





Tình hình tài chính

Thay đổi trong cơ cấu tài sản

Nguồn: DSC

	Đơn vị	2024	2023	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	Triệu VNĐ	5.756.140	4.083.141	41%
Tài sản dài hạn	Triệu VNĐ	36.150	39.507	-8%
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	5.792.290	4.122.648	40%
Nợ phải trả ngắn hạn	Triệu VNĐ	3.388.326	1.887.721	79%
Nợ phải trả dài hạn	Triệu VNĐ	2.350	1.133	107%
Nợ phải trả	Triệu VNĐ	3.390.676	1.888.854	80%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	2.401.614	2.233.794	8%
Tổng nguồn vốn	Triệu VNĐ	5.792.290	4.122.648	40%

➤ **Tại ngày 31/12/2024, Tổng tài sản tăng trưởng 40% đạt trên 5.792 tỷ VNĐ. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm hầu hết (99%) tổng tài sản, chủ yếu nằm ở tài sản tài chính.**

Cụ thể, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL 2.780 tỷ VNĐ, chiếm 48% tổng tài sản) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM 270 tỷ VNĐ, chiếm 4,7% tổng tài sản), và Các khoản cho vay (đã dự phòng suy giảm giá trị TS thế chấp) (2.150 tỷ VNĐ, chiếm 37,12% tổng tài sản). Các khoản đầu tư kể trên bao gồm chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành và tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm, là những tài sản rất an toàn, có độ thanh khoản cao được DSC lựa chọn để sẵn sàng nguồn lực cho giai đoạn bứt phá trong thời gian sắp tới, nhằm thực hiện kế hoạch kinh doanh và dự án mới trong năm 2025.

➤ **Hoạt động cho vay kỳ quỹ cũng gia tăng tích cực so với năm 2023.**

Dư nợ cho vay tại thời điểm 31/12/2024 tăng 47% so với đầu năm, đạt 2.186 tỷ VNĐ. Dư nợ cho vay margin tăng cao xuất phát từ tâm lý nhà đầu tư cá nhân trong nước đã tích cực hơn trong bối cảnh lãi suất giảm, chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn so với ngân hàng. Cùng với những chính sách cho vay kích cầu giao dịch của DSC. Bên cạnh đó, DSC vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động mạnh ảnh hưởng tới khách hàng. Năm 2024 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, hoạt động cho vay được thúc đẩy với các chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

Cơ cấu nguồn vốn của DSC hiện nay chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu và nợ vay ngắn hạn. Công ty chưa có các nguồn huy động từ trái phiếu mà chủ yếu là vay ngân hàng với lãi suất tương đối thấp, do đó có thể thấy rằng DSC còn rất nhiều dư địa để huy động vốn đặc biệt là từ kênh trái phiếu và cổ phiếu.

Cơ cấu tổng tài sản thời điểm cuối năm 2024

Nguồn: DSC

Chỉ tiêu tài sản	Tỉ trọng trong cơ cấu tài sản
Tiền và tương đương tiền	8,29%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	47,99%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4,66%
Các khoản cho vay (đã dự phòng suy giảm giá trị TS thế chấp)	37,12%
Tài sản tài chính khác	1,14%
Trả trước cho người bán	0,07%
Các khoản phải thu (đã dự phòng suy giảm giá trị)	0,02%
Tài sản ngắn hạn khác	0,07%
Tài sản cố định	0,24%
Tài sản dài hạn khác	0,38%

➤ **Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là 3.391 tỷ VNĐ**

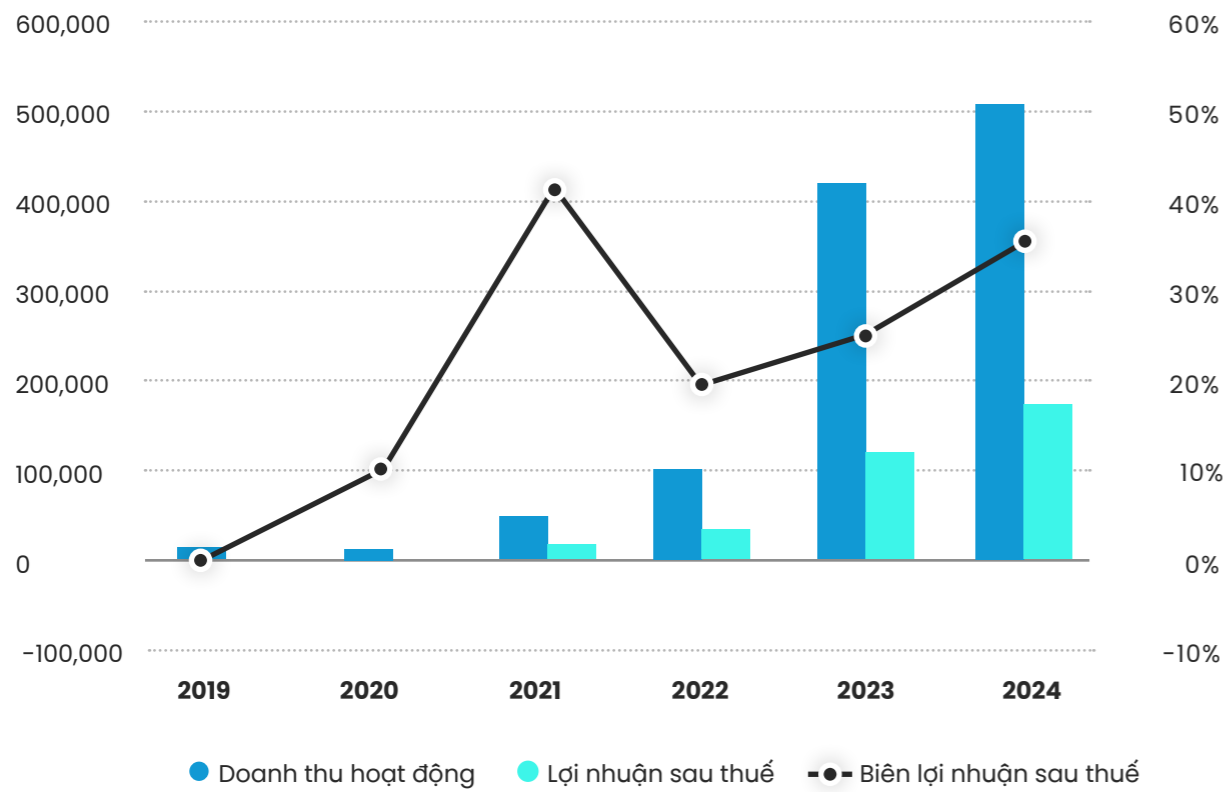
Tăng 80% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn vay tăng nhưng DSC vẫn tiếp tục đảm bảo thanh khoản ở mức cao, không phát sinh sự cố rủi ro nào và không để phát sinh chậm nợ với ngân hàng. Hình thức vay cũng đa dạng hóa, linh hoạt tối đa. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của thị trường. Việc cân đối kỳ hạn giữ các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất.



Kết quả kinh doanh

Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, DSC kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh. Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019 – 2024



Nguồn: DSC



Kết quả kinh doanh so với năm trước

Nguồn: DSC

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024	2023	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	503.109	438.447	15%
Trong đó:				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	Triệu VNĐ	179.127	148.026	21%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Triệu VNĐ	9.980	17.907	-44%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Triệu VNĐ	197.292	135.357	46%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Triệu VNĐ	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Triệu VNĐ	103.975	103.914	0,1%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Triệu VNĐ	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Triệu VNĐ	2.761	27.640	-90,0%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Triệu VNĐ	3.143	2.224	41%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Triệu VNĐ	6.582	3.168	108%
Doanh thu hoạt động khác	Triệu VNĐ	248	212	17%
Chi phí hoạt động khác	Triệu VNĐ	165.488	151.347	9%
Lợi nhuận gộp hoạt động	Triệu VNĐ	337.621	287.100	18%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	2.506	2.315	8%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	71.933	100.847	-29%
Chi phí quản lý	Triệu VNĐ	47.496	38.402	24%
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	(13)	(0)	
Tổng LN kế toán trước thuế	Triệu VNĐ	220.685	150.166	47%
Chi phí thuế TNDN	Triệu VNĐ	43.865	30.249	45%
LN kế toán sau thuế	Triệu VNĐ	176.820	119.917	47%



Mức độ hoàn thành kế hoạch năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Hoàn thành
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	503.109	423.119	119%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	176.820	160.143	110%

- Kết thúc năm 2024, doanh thu hoạt động đạt giá trị 503 tỷ đồng, tăng 19% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, lãi ghi nhận từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL); lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng mạnh với cùng kỳ năm trước và mang lại doanh thu chính khi chiếm lần lượt 21%; 46% cơ cấu doanh thu hoạt động. Nghiệp vụ tư vấn tài chính cũng tăng 108% so với cùng kỳ năm trước.
- Để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tăng trưởng của doanh thu luôn đi cùng với tăng trưởng chi phí. Trong đó, chi phí hoạt động và chi phí quản lý tăng lần lượt là 9%, và 24% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính giảm 29% so với năm trước, nguyên nhân là do sau khi tăng vốn vào cuối năm 2023 công ty đã giảm các khoản vay ngắn hạn.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 177 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ năm trước và vượt 10% kế hoạch năm.

Các chỉ số tài chính quan trọng

Nguồn: DSC

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2024	2023
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,70	2,16
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	2,16
Chỉ số về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,59	0,46
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	1,41	0,85
Chỉ số về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,09	0,11
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	35,1%	27,4%
Hệ số LNST/ Vốn CSH	%	7,4%	5,4%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	3,1%	2,9%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	43,9%	34,2%

○ Các chỉ số về khả năng thanh toán

Vẫn được duy trì ở mức lớn hơn 1. Mức chỉ số tương đương 1,7 lần cho thấy DSC vẫn giữ vững khả năng thanh khoản tốt, sẵn sàng tiếp cận những cơ hội đầu tư ngắn hạn cũng như chi trả các chi phí tài chính cần thiết khi đến hạn.

○ Tỷ lệ công nợ

Tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, với hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản chỉ ở mức 0,59 lần và Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH ở mức 1,41 lần. Mặc dù mức nợ vay tăng (chủ yếu là nợ ngắn hạn), song áp lực trả nợ của DSC là không lớn do khả năng thanh toán ổn định với lượng tài sản ngắn hạn, thanh khoản cao dồi dào.

○ Về năng lực hoạt động

Do đặc thù của công ty chứng khoán nên không có hàng tồn kho. Chỉ số vòng quay tổng tài sản duy trì ở mức 0,09 cho thấy DSC đã sử dụng nguồn vốn hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

○ Khả năng sinh lời duy trì ở mức cao.

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua không ít khó khăn và thách thức. Nhưng DSC đã có các chính sách, các gói sản phẩm mới linh hoạt hiệu quả nên chỉ số này vẫn tiếp tục tăng trưởng tích cực.

Báo cáo kết quả hoạt động các khối

Phối/kết hợp hiệu quả giữa các khối, phòng, ban

- Hoàn thành 100% các kịch bản kiểm thử hệ thống KRX trong năm 2024, DSC trở thành một trong số ít các công ty chứng khoán đủ điều kiện Go-live hệ thống KRX.
- Ra mắt **Hệ sinh thái Tư vấn số DSC**
 - » **DSC Chat AI:** Ứng dụng AI cung cấp thông tin về kinh tế, thị trường, doanh nghiệp, phân tích kỹ thuật với giao diện trực quan, thân thiện.
 - » **DSC Forum:** Nền tảng kết nối nhà đầu tư với chuyên gia, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn.
 - » **DSC Tư vấn số:** Dịch vụ tư vấn đầu tư trực tuyến với hai hình thức: theo mã cổ phiếu và theo thời gian.
 - » **DSC chat:** Nền tảng trò chuyện cá nhân hóa, hỗ trợ Chat AI và Tư vấn số.
 - » **Payment:** Hệ thống quản lý và điều phối thanh toán dịch vụ nhanh chóng, tiện lợi.
 - » **OneID:** Hệ thống quản lý người dùng, tích hợp SSO giúp truy cập toàn bộ hệ sinh thái Ebroking chỉ với một lần đăng nhập.
 - » **DSC Demo:** Nền tảng giao dịch chứng khoán ảo giúp nhà đầu tư mới làm quen với thị trường.
 - » **DSC Elearn:** Nền tảng học trực tuyến cung cấp khóa học tài chính, chứng khoán từ cơ bản đến nâng cao.



Khối Vận hành

Nâng cao chất lượng dịch vụ, minh bạch thông tin nhà đầu tư

- Tháng 4/2024, với việc nâng cấp luồng trả kết quả **Thu hộ định danh API** đã giúp các giao dịch nộp tiền vào tài khoản chứng khoán của khách hàng tại DSC được rút ngắn tối đa thời gian xử lý (Realtime) đã giúp nhà đầu tư ngày càng yên tâm và tin tưởng khi giao dịch tại DSC.
- Tháng 05/2024, DSC đã chính thức trở thành **thành viên giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**, qua đó DSC đã được phép thực hiện nghiệp vụ môi giới và tự doanh công cụ nợ tại Sở giao dịch chứng khoán, đánh dấu một bước tiến mới thể hiện vai trò của DSC trên thị trường vốn trong quan hệ với các định chế tài chính, CTCK, Quỹ đầu tư ...
- DSC cam kết và đảm bảo các quy trình, thủ tục luôn được cập nhật đáp ứng yêu cầu của VSDC, các Sở giao dịch, các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán nói riêng và văn bản pháp luật khác nói chung.
- Minh bạch thông tin nhà đầu tư: DSC chủ động và tích cực thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý trong việc chuẩn hóa thông tin nhà đầu tư, thực hiện đề án của Chính phủ "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030" (Đề án 06/CP): tuyên truyền, phổ biến và xây dựng các tính năng trực tuyến (app/web) giúp nhà đầu tư thực hiện cập nhật căn cước công dân gắn chip/căn cước. Nghiên cứu giải pháp và triển khai thực hiện mở tài khoản qua **EKYC – IDCHECK**, mỗi dữ liệu khách hàng khi mở mới tài khoản sẽ được song song check dữ liệu qua C06 – Bộ công an, đảm bảo thông tin nhà đầu tư chính xác, đồng bộ.
- Số hóa hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ: 2024 DSC đã chính thức ra mắt hệ sinh thái tư vấn số - DSC Forum, DSC Tư vấn số, DSC Chat tư vấn giúp nhà tư có thêm nhiều quyền lợi gia tăng khi mở tài khoản và giao dịch tại DSC và đặc biệt nâng cấp và đưa vào phục vụ nhà đầu tư bot **DSC Chat AI** với nhiều tính năng thông minh vượt trội giúp nhà đầu tư tối ưu hóa trong việc tìm kiếm thông tin và phân tích thị trường chứng khoán.

Chính sách sản phẩm, dịch vụ:

- Chính sách ưu đãi với khách hàng khu vực Miền trung – Tây nguyên được hưởng lãi suất vay margin 10%/năm và phí giao dịch 0.1%.
- Chính sách ưu đãi với các khách hàng do Tư vấn số quản lý với phí giao dịch cố định 0.1%.

Đây là những hoạt động trong chiến lược phát triển dài hạn của DSC nhằm tối ưu hóa chất lượng phục vụ khách hàng và đã nhận được sự quan tâm rất lớn từ các nhà đầu tư.



Cơ hội và thách thức

- Sở hữu đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao và dày dặn kinh nghiệm thị trường, DSC luôn sẵn sàng và chuẩn bị những điều kiện phù hợp để có thể cung cấp dịch vụ tốt nhất và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.
- Với định hướng chung của thị trường chứng khoán về việc nâng hạng TTCK Việt Nam trong thời gian tới, bên cạnh những mục tiêu riêng về phát triển các gói sản phẩm cho giao dịch cổ phiếu, hợp tác bán chéo dịch vụ sản phẩm giữa CTCK – NH – Công ty quản lý quỹ, DSC đang đứng trước nhiều thách thức trong việc thực hiện các mục tiêu chung khác để theo kịp thị trường như triển khai các sản phẩm phát sinh, chứng quyền có đảm bảo, hợp đồng tương lai; tham gia thành viên thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ



Khối Công nghệ thông tin



Khối CNTT của DSC đã không ngừng học hỏi, cải tiến hạ tầng và nâng cao chất lượng nhân sự trong năm 2024.

- Thành lập bộ phận An toàn thông tin**, đảm bảo hệ thống giao dịch ổn định và an toàn cho nhà đầu tư.
- Phát triển sản phẩm cạnh tranh**, tối ưu trải nghiệm người dùng.
- Tối ưu nhân sự**, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả phát triển sản phẩm.
- Hoàn thiện Hệ sinh thái Tư vấn số DSC**, mang lại trải nghiệm mới cho nhà đầu tư.

Trước nhu cầu công nghệ ngày càng cao, đội ngũ CNTT đã mở rộng toàn diện với các lĩnh vực chuyên sâu như Kiến trúc Giải pháp, Tự động hóa, DevOps, Phân tích nghiệp vụ, An toàn thông tin và kỹ thuật đám mây.

Khối CNTT cũng chú trọng đào tạo, tạo điều kiện tiếp cận nền tảng học trực tuyến hàng đầu để nâng cao tri thức và kỹ năng, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thị trường.



Khối Khách hàng cá nhân

Kết thúc năm 2024, VN-Index tăng 12% so với đầu năm lên mức 1.266,78 điểm trong bối cảnh thị trường biến động trong biên hẹp (1.200 điểm tới 1.300 điểm) với thanh khoản trung bình ở mức thấp khoảng 12.000 tỷ đồng/phiên. Đáng chú ý, năm 2024 cũng ghi nhận hoạt động bán ròng kỷ lục của khối ngoại với tổng giá trị lên tới 92.000 tỷ đồng

VỀ Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
PGDR	8-9 tỷ/tháng	7,1 tỷ/tháng
Dư nợ cho vay KQ	1.700 tỷ	2.150 tỷ

VỀ chỉ tiêu vận hành:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
Giám đốc TVCK	15	12
Trưởng phòng TVCK	30	26
Nhân viên TVCK	89	76

VỀ mảng Ủy thác đầu tư: Do yếu tố thị trường không thuận lợi nên Khối Tư vấn chứng khoán sẽ lùi thời gian thực hiện vào năm 2025.

Hoạt động quản trị rủi ro

Đánh giá hoạt động Quản trị rủi ro

Kết quả hoạt động năm 2024

DSC đã tiếp tục duy trì và nâng cao công tác quản trị rủi ro, tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường công tác giám sát các hoạt động có rủi ro cao và xây dựng năng lực quản trị rủi ro trên toàn hệ thống. Cụ thể:

Cơ cấu tổ chức:

Tiếp tục áp dụng cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro theo mô hình ba lớp trong quản trị bao gồm:

- » **Lớp thứ nhất** là các bộ phận thực hiện nhiệm vụ kinh doanh/ nghiệp vụ;
- » **Lớp thứ hai** là các bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát, tuân thủ, pháp chế và quản trị rủi ro;
- » **Lớp thứ ba** là lớp kiểm soát trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ:

- » Quy trình, chính sách nội bộ được điều chỉnh và cập nhật phù hợp với yêu cầu pháp luật và tình hình kinh doanh thực tế.
- » Đảm bảo tính minh bạch và chặt chẽ trong công tác quản trị, tuân thủ nghiêm ngặt các quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, và Ban Điều hành.



Tăng cường giám sát các hoạt động rủi ro cao:

- » Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu.
- » Kịp thời nhận diện và xử lý các rủi ro tiềm tàng, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh.

Xây dựng và nâng cao năng lực quản trị rủi ro:

- » Đào tạo và phát triển nhận thức về quản trị rủi ro trong các bộ phận nghiệp vụ và quản lý.
- » Xây dựng bộ danh mục rủi ro trọng yếu theo từng bộ phận/khối, tạo nền tảng cho việc xác định và quản trị rủi ro một cách hiệu quả hơn.

Các rủi ro:

Trên cơ sở tham khảo các quy chuẩn quốc tế và đánh giá toàn diện, DSC xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Rủi ro pháp lý

- » DSC chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Kế toán, Luật Phòng chống rửa tiền, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà DSC cập nhật không kịp thời.

Rủi ro đầu tư

- » DSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó đầu tư tự doanh là một trong những nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty. Để hạn chế rủi ro đầu tư, DSC đã thành lập Khối phân tích độc lập nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư, các khoản giao dịch tự doanh, cũng như đánh giá giá trị danh mục thường xuyên để có thể kịp thời thay đổi chiến lược, kế hoạch và đưa ra biện pháp hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

Rủi ro thị trường

- » Rủi ro thị trường là nguy cơ giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự biến động của giá cả trên thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán. Biến động trên thị trường chứng khoán có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của DSC.

◦ **Rủi ro lãi suất:** Để kiểm soát rủi ro lãi suất, Công ty thường xuyên phân tích sự cạnh tranh trên thị trường nhằm xác định mức lãi suất phù hợp, vừa có lợi cho mục tiêu kinh doanh vừa đảm bảo nằm trong phạm vi quản lý rủi ro đã thiết lập.

◦ **Rủi ro tiền tệ:** Do các giao dịch của DSC chủ yếu được thực hiện bằng đồng Việt Nam và không có đầu tư vào ngoại tệ hoặc vàng, công ty không chịu tác động trực tiếp từ biến động tỷ giá hoặc rủi ro liên quan đến ngoại hối.

◦ **Rủi ro về giá chứng khoán:** Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục, thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro hoạt động:

- » Rủi ro hoạt động là rủi ro thường xuyên xuất hiện với bất kỳ doanh nghiệp đang hoạt động, bởi rủi ro này gây ra bởi con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống Công nghệ thông tin hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.

- » Để hạn chế các rủi ro này, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tại DSC đều định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra việc tuân thủ quy trình các Phòng/Ban trong Công ty. Đồng thời, việc kiện toàn hệ thống Quy trình và hệ thống Công nghệ thông tin luôn là ưu tiên hàng đầu của DSC để bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng và các bên liên quan.

Rủi ro khác:

- » Các rủi ro khác bao gồm các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2025

44 Phân tích và nhận định thị trường 2025

Báo cáo
thường niên **2024**





Phân tích và nhận định thị trường 2025

Từ nền tảng giá trị, hướng tới mục tiêu tăng trưởng

Giá trị:

Chỉ số VNIndex được dự báo có thể đạt mức cao nhất là 1.428 điểm trong năm 2025, tương đương tiềm năng tăng trưởng 12,1%.

DSC ước tính mức mục tiêu của VNIndex dựa theo hai phương pháp tổng hợp định giá và dự phóng tăng trưởng lợi nhuận toàn TT. P/E dự phóng là 12,2 lần và tăng trưởng EPS đạt 11%.

Tăng trưởng:

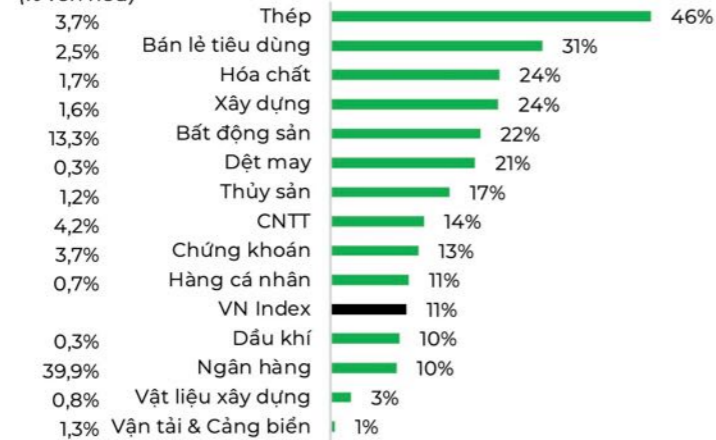
Với kịch bản cơ sở, tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường được DSC dự phóng đạt 11% vào 2025, sau khi tăng 17% năm 2024.

Ngân hàng tiếp tục là nhóm ngành quan trọng, chiếm tới 39,8% tỷ trọng lợi nhuận toàn TT, và 4,4% mức tăng trưởng LN năm 2025 toàn TT. Bảng bên là tổng hợp những ngành được DSC đặc biệt quan tâm theo dõi trong 2025.

Tỷ trọng vốn hóa và tăng trưởng lợi nhuận theo ngành 2025

(Nguồn: Fiinpro, DSC dự phóng)

(% vốn hóa)



Thời của giao dịch theo xu hướng

Chiến lược giao dịch theo đà tăng (Momentum trading)

Từ nền móng của thị trường đi ngang (Sideway Market), với độ biến động giảm dần và đáy sau cao hơn đáy trước, hứa hẹn mở ra cơ hội thị trường bước vào sóng tăng giá trong năm 2025.

Chúng tôi đang nghiêng về khả năng VN-index sẽ bước vào trạng thái Bull-Market (thị trường tăng giá) trong năm 2025 với sự dẫn dắt của các cổ phiếu vốn hóa lớn hưởng lợi theo làn sóng nâng hạng.

Trong 2024, DSC đã chính xác khi lựa chọn chiến lược đầu tư giá trị. Bước sang năm 2025, với nhận định thị trường sẽ ở pha giá tăng (Bull-Market), chiến lược giao dịch theo đà tăng (Momentum trading) sẽ là chiến lược phát huy hiệu quả nhất.

Trong đó, những cổ phiếu bứt phá khỏi vùng tích lũy dài và được hưởng lợi từ câu chuyện nâng hạng sẽ là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi trong việc lựa chọn cổ phiếu.

Chiến lược hành động

Trong thị trường Bull-Market, thời điểm tham gia mua vào lý tưởng nhất là khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Chỉ số điều chỉnh gãy mốc trung bình 50 ngày (MA50) nhưng cao hơn trung bình 200 ngày (MA200). Nhịp điều chỉnh từ 5-10% so với đỉnh.
- Chỉ báo RSI trong vùng 30-40 điểm đúng với tính chất của nhịp điều chỉnh lành mạnh.
- Khối lượng giao dịch thấp hơn so với mức trung bình 20 phiên gần nhất ít nhất 30% báo hiệu cạn kiệt lượng cung bán ra.





VĨ MÔ TRONG 2025

- 48 Tinh gọn bộ máy chính trị
- 48 Các điều luật mới
- 50 Đánh giá chu kỳ kinh tế
- 51 Đánh giá chu kỳ kinh tế Việt Nam năm 2024 – 2025
- 51 Mục tiêu ổn định vĩ mô
- 52 Phát triển nguồn nhân lực
- 54 Phát triển công nghệ
- 55 Phát triển các hoạt động truyền thông
- 56 Phát triển các hoạt động Marketing
- 57 Nâng cao hiệu quả Quản trị rủi ro

Báo cáo thường niên **2024**





Tinh gọn bộ máy chính trị

“Cuộc cách mạng” trong bộ máy chính trị

DSC ước tính mức mục tiêu của VNINDEX dựa theo hai phương pháp tổng hợp định giá và dự phóng tăng trưởng lợi nhuận toàn TT. P/E dự phóng là 12,2 lần và tăng trưởng EPS đạt 11%.

Những nội dung cơ bản của đề án tinh gọn bộ máy chính trị năm 2024 bao gồm:

Giảm số lượng bộ và cơ quan ngang bộ từ 18 xuống còn 13, thông qua việc hợp nhất một số bộ có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

Xóa bỏ các tổng cục và đơn vị tương đương trong cơ cấu tổ chức, nhằm tinh gọn đầu mối và giảm tầng nấc trung gian.

Sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, ngành: Mục tiêu là giảm tối thiểu 15%-20% đầu mối tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thực hiện theo quyết định riêng của Bộ Chính trị).

Giảm biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hoàn thiện thể chế và chính sách: Rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy để đề xuất xử lý trong quá trình sắp xếp; xây dựng dự thảo quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Lộ trình thực hiện: Các đơn vị được yêu cầu hoàn thành đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy trong tháng 12/2024, nhằm phục vụ Hội nghị Trung ương và kỳ họp Quốc hội bất thường dự kiến diễn ra vào tháng 2/2025.

Tính hiệu quả của đề án

Những quyết sách trong đề án được xem là toàn diện nhất về quy mô và độ sâu trong các đợt cải cách. Trước đây, các đợt cải cách chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực hoặc cấp bậc nhất định, trong khi lần này tác động đến toàn hệ thống chính trị và hành chính.

Chúng tôi cho rằng trong dài hạn chính sách này sẽ đem lại nhiều lợi ích cho bộ máy Nhà nước, bao gồm:

Gia tăng hiệu suất làm việc: Bộ máy tinh gọn, ít đầu mối hơn sẽ giúp giảm thời gian phối hợp, tăng tính linh hoạt và hiệu quả hoạt động.

Giảm chi phí hành chính: Giảm biên chế và tổ chức giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy chuyển đổi số: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính phủ điện tử là cơ hội để nâng cao chất lượng dịch vụ công, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Nâng cao chất lượng đội ngũ: Quá trình tinh giản sẽ giúp giữ lại những người có năng lực, tạo động lực nâng cao trình độ và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức.

Củng cố niềm tin của người dân: Một bộ máy Nhà nước hiệu quả, trong sạch và hoạt động minh bạch sẽ nâng cao sự hài lòng và niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị.

Các điều luật mới

Các luật sửa đổi đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định, cải thiện tính minh bạch và định hướng phát triển bền vững lâu dài ...



Luật đất đai, bất động sản và nhà ở

Luật Đất đai sửa đổi (tháng 8/2024) bao gồm các điểm quan trọng:

- » **Giới hạn đặt cọc mua nhà** trong tương lai không quá 5% giá bán
- » **Siết chặt phân lô, bán nền** ở đô thị loại III.
- » **Quy định thanh toán, phân loại hợp đồng**, yêu cầu công khai thông tin bất động sản.
- » **Thay đổi phương pháp định giá đất.**

DSC kỳ vọng luật mới sẽ **tăng tính minh bạch, tháo gỡ thủ tục pháp lý, bảo vệ người mua, thúc đẩy đầu tư và giúp định giá đất sát với thị trường.**

Luật điện

Luật Điện sửa đổi mang đến nhiều thay đổi quan trọng như:

- » **Điều chỉnh biểu giá điện** để phản ánh đúng chi phí và hỗ trợ người tiêu dùng.
- » **Bổ sung hợp đồng điện lực mới**, tăng tính linh hoạt trong giao dịch.
- » **Định hướng chuyển dịch năng lượng xanh**, thúc đẩy phát triển bền vững.
- » **Cơ chế đấu thầu minh bạch**, xử lý dự án chậm tiến độ.
- » **Ban hành cơ chế DPPA** (hợp đồng mua bán điện trực tiếp).
- » **Khuyến khích phát triển điện mặt trời tự tiêu thụ.**

DSC kỳ vọng luật mới sẽ **thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh, hỗ trợ năng lượng tái tạo, đảm bảo minh bạch giá điện và nâng cao hiệu quả sử dụng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.**

Luật quy hoạch, đầu tư & đấu thầu

Hiệu lực từ 15/01/2025, Luật mới giúp rút ngắn thủ tục đánh giá hồ sơ xuống còn 15 ngày, đảm bảo tính liên kết và ổn định giữa các quy hoạch. **Đồng thời, nhà đầu tư được lựa chọn đăng ký đầu tư vào các dự án trong KCN, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao...**

DSC kỳ vọng luật này sẽ **giảm bớt thủ tục, khơi thông dòng vốn và thúc đẩy đầu tư tư nhân lẫn vốn FDI.**

Luật đầu tư công

Hiệu lực từ ngày 01/01/2025, Luật Đầu tư công tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư với các điểm chính:

- » **Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương**, giúp đẩy nhanh tiến độ dự án.
- » **Bổ sung quy định về quản lý vốn ODA và vốn vay ưu đãi.**
- » **Đơn giản hóa thủ tục đầu tư**, giải phóng nguồn lực từ các dự án chậm triển khai.
- » **Điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án** quan trọng quốc gia và nhóm A, B, C.

Những thay đổi này kỳ vọng sẽ **tối ưu hóa đầu tư công, giảm lãng phí và thất thoát vốn.**

Luật chứng khoán

Luật mới đưa ra quy định **chi tiết về phát hành trái phiếu**, bao gồm **điều kiện phát hành và yêu cầu đối với nhà đầu tư**, giúp **tăng minh bạch, quản lý rủi ro và phát triển bền vững thị trường trái phiếu doanh nghiệp.**

Ngoài ra, Thông tư 68 bổ sung nguyên tắc giao dịch **“Non-Prefunding”** cho NĐT nước ngoài, kỳ vọng sẽ thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam vào Q3/2025.

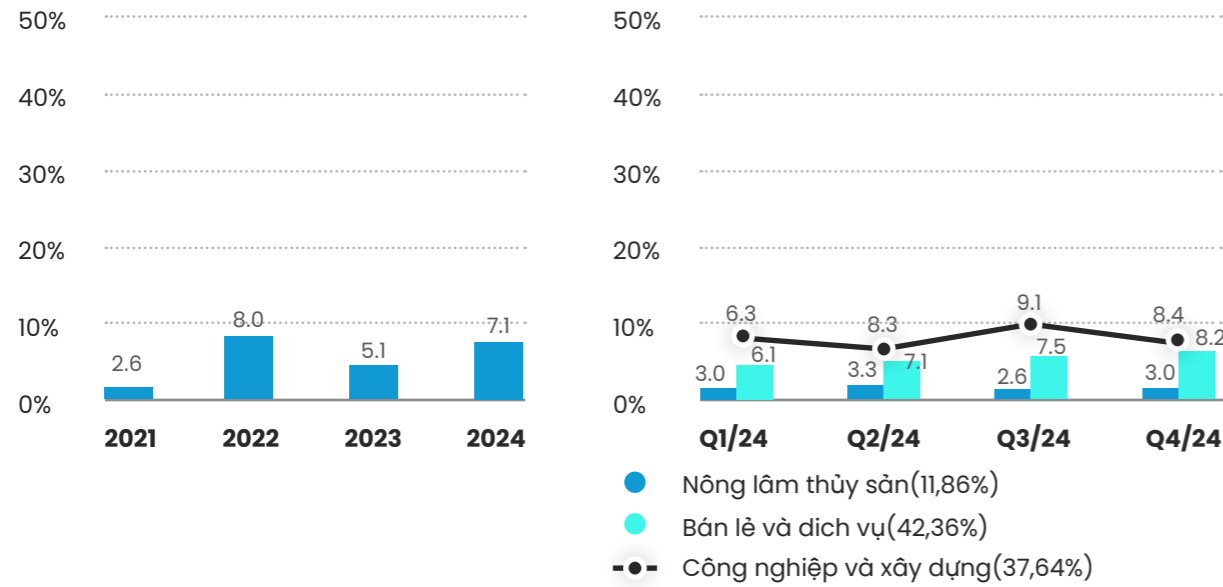


Đánh giá chu kỳ kinh tế

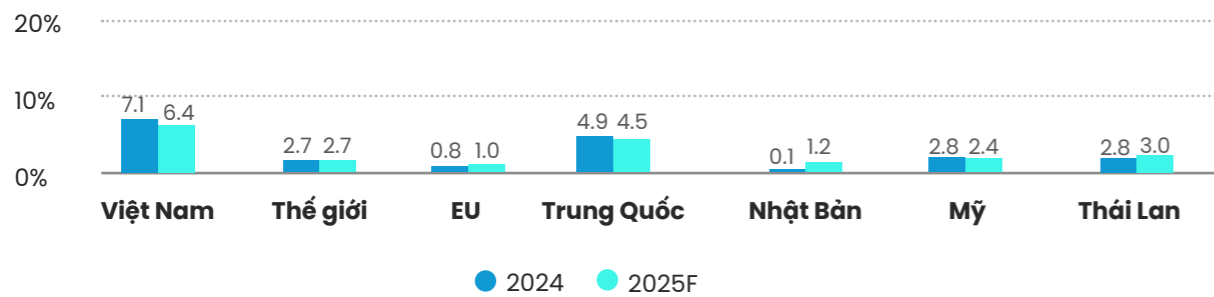
Việt Nam đang trong giai đoạn tiền tăng trưởng, kỳ vọng được thúc đẩy bởi hệ thống chính sách phù hợp.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)

Nguồn: DSC

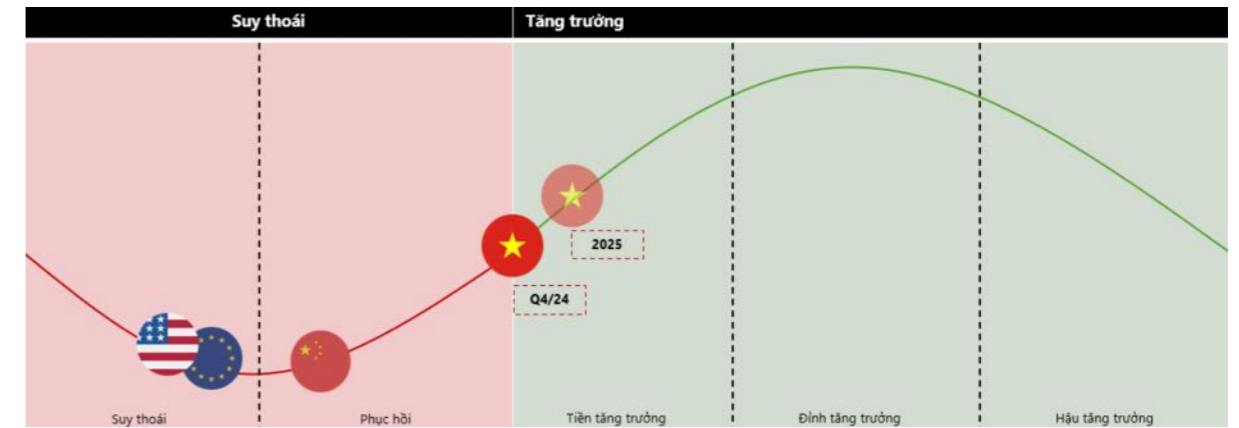


Biểu đồ 2: Tăng trưởng GDP của Việt Nam (%) (Nguồn: IMF, Goldman Sachs, JPM, ADB, DSC tổng hợp)



Đánh giá chu kỳ kinh tế Việt Nam năm 2024 – 2025

Biểu đồ 3: Đánh giá và dự phóng chu kỳ kinh tế Việt Nam giai đoạn năm 2024 – 2025



(Nguồn: DSC tổng hợp)

Mục tiêu ổn định vĩ mô

Chính phủ nới lỏng mục tiêu ổn định tài chính vĩ mô, tạo dư địa chính sách nhằm thúc đẩy các mục tiêu tăng trưởng.

Biểu đồ 4: Các mục tiêu của Chính phủ

Yếu tố Vĩ Mô	2022	2023	11TH2024	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2026-2030
Lạm phát	3,15%	3,25%	3,69%	< 4,5%	< 4%
Biên độ tỷ giá	2%	2,90%	4,10%	< 5%	< 5%
Nợ công/GDP	37,4%	36,4%	37%	< 60%	< 45-50%
Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	1,92%	4,55%	5%	< 3%	~
Tăng trưởng tín dụng	14,50%	13,50%	12,50%	16%	13 - 15%
Tăng trưởng GDP	8,02%	5,05%	6-6,5%	6,5-7%	7,5-8,5%

1. Ổn định tỷ giá & thị trường ngoại hối
2. Kiểm soát tăng trưởng lạm phát
3. Cân đối cán cân thương mại quốc tế
4. Cải thiện môi trường kinh doanh
5. Cân đối thu chi ngân sách Nhà nước



Phát triển nguồn nhân lực

Tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc và phù hợp với văn hóa công ty:

- » Tuyển dụng dựa trên kế hoạch hằng năm, cân đối với kế hoạch kinh doanh.
- » Thực hiện qua nhiều kênh: website, tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp, hợp tác với các trường đại học & trung tâm đào tạo.
- » Ứng viên phải trải qua vòng phỏng vấn để đảm bảo phù hợp với văn hóa & chiến lược công ty.

Chế độ Lương, thưởng hấp dẫn:

- » Lương, thưởng dựa trên nguyên tắc thỏa thuận, năng lực & hiệu quả công việc.
- » Thu nhập trả 1 lần/tháng, có trích nộp thuế & bảo hiểm đầy đủ.

Môi trường làm việc:

- » Trụ sở & văn phòng chi nhánh thiết kế khang trang, thoáng mát.
- » Trang bị đầy đủ máy tính cá nhân & công cụ làm việc, tạo sự thoải mái cho nhân viên.
- » Số hóa toàn bộ hoạt động quản trị nhân sự.



Số lượng nhân sự

STT	Trình độ	31/12/2023		31/12/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ trên Đại học	12	5,77%	11	4,97%
2	Trình độ Đại học	183	87,98%	196	88,69%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	2,88%	7	3,17%
4	Lao động phổ thông	7	3,37%	7	3,17%
Tổng số		208	100%	16%	100%

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động tại DSC năm 2023 và 2024 lần lượt là **16.731.600 đồng và 17.196.807 đồng**. So với mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức khá tốt. Công ty luôn mong muốn người lao động được hưởng những chính sách, giá trị vật chất lẫn tinh thần xứng đáng với công sức mà người lao động đã cống hiến cho Công ty. Cụ thể như sau

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
Tiền lương	42.548.459.043	46.362.590.893
BHXH, BHYT và phí công đoàn	2.993.604.000	3.705.859.500
Bảo hiểm sức khỏe	873.395.774	1.447.322.528
Thù lao, tiền thưởng khác	2.617.599.081	3.325.850.000
Tổng cộng	49.033.057.898	54.841.622.921
Mức lương bình quân	16.731.600	17.196.807



Phát triển công nghệ

Hướng tới các mục tiêu trọng điểm về phát triển CNTT trong năm 2025, Bộ phận ưu tiên các công việc chính sau:

Năm 2025, Khối Công nghệ thông tin tập trung vào các mục tiêu trọng điểm sau:

Tối ưu hóa chi phí và năng suất:

Cải tiến kiến trúc, tận dụng mã nguồn mở, ứng dụng AI & công cụ tự động hóa để giảm chi phí và nâng cao hiệu quả.

Nâng cao bảo mật:

Triển khai mô hình Zero Trust, tăng cường an ninh mạng, mở rộng đào tạo nhận thức bảo mật cho nhân viên.

Thiết kế hệ thống hiện đại:

Xây dựng hệ thống linh hoạt, tận dụng **điện toán đám mây, Kubernetes, microservices & API**, áp dụng **Agile** để đẩy nhanh triển khai dự án.

Nâng cấp hạ tầng giao dịch:

Đáp ứng yêu cầu từ KRX, cải thiện tốc độ xử lý và tích hợp dự phòng thông minh để đảm bảo tính ổn định, liên tục và sẵn sàng cho các dịch vụ quan trọng.

Phát triển sản phẩm:

Nâng cấp hệ sinh thái Tư vấn số, cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng bằng **Big Data & AI**.

Hợp tác và đổi mới:

Hợp tác & đổi mới: Mở rộng hợp tác công nghệ, tổ chức **hackathon** để khuyến khích sáng tạo.

Tuân thủ quy định:

Cập nhật, đảm bảo tuân thủ pháp lý và xây dựng quy trình linh hoạt thích ứng với thay đổi trong tương lai.



Phát triển các hoạt động truyền thông

Năm 2025, hoạt động truyền thông của DSC sẽ tập trung vào một số điểm quan trọng sau:

- » **Tăng cường nhận diện thương hiệu:** Đẩy mạnh truyền thông đa kênh, hợp tác và xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp.
- » **Truyền thông nội dung chất lượng:** Cập nhật tin tức, tổ chức webinar, sản xuất báo cáo phân tích, giáo dục tài chính.
- » **Gắn kết khách hàng:** Xây dựng cộng đồng tài chính, tổ chức sự kiện tương tác, cung cấp bản tin độc quyền.
- » **Truyền thông ESG & trách nhiệm xã hội:** Thực hiện các chiến dịch CSR, cam kết minh bạch, thúc đẩy đầu tư bền vững.
- » **Hỗ trợ nâng hạng TTCK Việt Nam:** Tham gia diễn đàn tài chính, truyền thông với nhà đầu tư trong và ngoài nước, lan tỏa thông tin tích cực.

DSC hướng tới mục tiêu nâng cao giá trị thương hiệu, kết nối khách hàng và đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.





Phát triển các hoạt động Marketing

Ứng dụng công nghệ số:

Cá nhân hóa trải nghiệm nhà đầu tư bằng AI & Big Data, tối ưu tư vấn tài chính, cung cấp thông tin thị trường nhanh chóng và chính xác.

Khẳng định thương hiệu:

Hệ sinh thái Tư vấn số giúp nhà đầu tư quản lý vốn hiệu quả, hỗ trợ kịp thời trước biến động thị trường.

Mở rộng khách hàng:

- » Xây dựng nội dung chất lượng, tối ưu SEO.
- » Quảng cáo đa nền tảng (Google, TikTok, YouTube, Facebook).
- » Kết hợp email marketing, telesales và sự kiện ngành.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng:

- » Cải thiện UI/UX website, tối ưu giao dịch đa nền tảng.
- » Đẩy mạnh chuyển đổi số, chăm sóc khách hàng qua ưu đãi và tư vấn chuyên sâu.



Nâng cao hiệu quả Quản trị rủi ro

Với mục tiêu không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, DSC đề ra những định hướng trọng tâm cho năm 2025 như sau:

Hoàn thiện toàn diện khung quản trị rủi ro:

- » Cập nhật quy định, quy trình nội bộ phù hợp với thị trường và pháp lý.
- » Đảm bảo tính liên kết chặt chẽ giữa các lớp kiểm soát trong mô hình ba lớp.

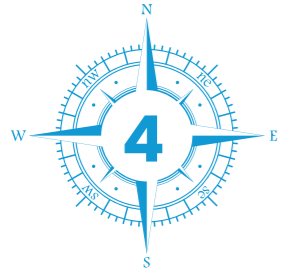
Nâng cao giám sát và đánh giá rủi ro:

- » Phân tích, đánh giá định lượng rủi ro tài chính, tín dụng, thị trường.
- » Mở rộng giám sát lĩnh vực kinh doanh mới, xây dựng kịch bản ứng phó rủi ro.

Ứng dụng công nghệ số:

- » Đầu tư vào các công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo nhằm tăng cường khả năng dự báo và quản trị rủi ro.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 60 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 61 Hoạt động quản trị doanh nghiệp
- 65 Quan hệ Nhà đầu tư

Báo cáo
thường niên **2024**





Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trước diễn biến khó khăn của thị trường, năm 2024 DSC cũng đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên dưới nỗ lực quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo và sự cố gắng, đồng lòng của toàn bộ CBNV, Công ty đạt nhiều kết quả khả quan:

Về hoạt động quản trị, chiến lược

Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp để hiện thực hóa tầm nhìn đã đặt ra: Mục tiêu nằm trong TOP đầu công ty chứng khoán về hiệu quả sử dụng vốn (ROE); Trở thành công ty chứng khoán số sau 3 năm nữa.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và hoàn thành niêm yết cổ phiếu DSC trên Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE).

Về mô hình tổ chức

Kiến toàn lực lượng và tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ hoạt động môi giới truyền thống, Công ty tiếp tục đầu tư hơn nữa vào công nghệ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh số, phát triển các ứng dụng/công cụ AI để nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

Về hoạt động kinh doanh

Thị phần môi giới trong **Top 15** công ty chứng khoán trên sàn HNX, tiếp tục gia tăng thị phần môi giới trên HSX.

Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh.

Về công nghệ

Khối Công nghệ thông tin và Khối Môi giới số phối hợp triển khai và đã dần hoàn thiện dự án E-Broking nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng: **Chat AI** (ứng dụng công nghệ AI tiên tiến hỗ trợ khách hàng tìm kiếm thông tin nhanh chóng chính xác), **Tư vấn số**, **OneID** (Hệ thống quản lý người dùng, giúp người dùng truy cập toàn bộ hệ sinh thái Ebroking chỉ với một lần đăng nhập), **Demo** (nền tảng đầu tư chứng khoán ảo), **Elearn**,...

Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng CNTT: phần cứng, bảo mật, tổ chức kiểm tra xâm nhập (pentest),... nhằm nâng cao năng lực hệ thống và đảm bảo giao dịch thông suốt cho khách hàng.

Về quản trị rủi ro

Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty, không phát sinh mới dư nợ xấu trong năm 2024.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Căn cứ vào Điều lệ và phân cấp thẩm quyền đã được phê duyệt, Hội đồng Quản trị giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ / đột xuất về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng Quản trị đánh giá:

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro, không phát sinh mới dư nợ xấu trong năm 2024.
- Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết tại Công ty, văn hóa doanh nghiệp từng bước được xây dựng rõ nét hơn.

Hoạt động quản trị doanh nghiệp

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đảm bảo các hoạt động của DSC được tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.



Hoạt động của Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 23 cuộc họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-HĐQT/DSC	22/01/2024	Triển khai giao dịch cổ phiếu DSC từ hệ thống giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
2	01.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	22/01/2024	Phê duyệt việc đầu tư/kinh doanh trái phiếu chính phủ
3	02/2024/NQ-HĐQT/DSC	22/01/2024	Phê duyệt Hồ sơ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM
4	03/2024/NQ-HĐQT/DSC	02/02/2024	Tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2024
5	04/2024/NQ-HĐQT/DSC	02/02/2024	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023
6	05/2024/NQ-HĐQT/DSC	19/04/2024	Bổ nhiệm người Phụ trách quản trị Công ty
7	05.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	02/05/2024	Thông qua hạn mức hoạt động tự doanh và hạn mức tự doanh đối với một mã cổ phiếu Quý 2, Quý 3 năm 2024
8	07.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	15/05/2024	Phê duyệt thay đổi hạn mức hoạt động tự doanh và hạn mức tự doanh đối với một mã cổ phiếu Quý 2, Quý 3 năm 2024
9	08/2024/NQ-HĐQT/DSC	20/05/2024	Phê duyệt thay đổi địa chỉ/địa điểm CN Đà Nẵng
10	10/2024/NQ-HĐQT/DSC	27/06/2024	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2024
11	10.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	05/07/2024	Phê duyệt tổng dự toán công trình: "Thiết kế, thi công hoàn thiện Chi nhánh Đà Nẵng - 130 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, Đà Nẵng
12	12/2024/NQ-HĐQT/DSC	23/07/2024	Phê duyệt Hợp đồng/Giao dịch với Người có liên quan của Công ty - Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam
13	13/2024/NQ-HĐQT/DSC	23/07/2024	Phê duyệt Hợp đồng/Giao dịch với Người có liên quan của Công ty - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
14	14/2024/NQ-HĐQT/DSC	15/07/2024	Phê duyệt Hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
15	13.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	27/08/2024	Phê duyệt kế hoạch xử lý các khoản nợ cho vay kỳ quỹ (Mã CP: NVL)
16	15/2024/NQ-HĐQT/DSC	12/08/2024	Phê duyệt hạn mức cấp tín dụng với Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương
17	15.1/2024/NQ-HĐQT/DSC	23/07/2024	Phê duyệt triển khai dự án "Tăng cường bảo đảm An toàn thông tin"
18	16/2024/NQ-HĐQT/DSC	07/10/2024	Phê duyệt triển khai dự án "Tăng cường bảo đảm An toàn thông tin"



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
19	17/2024/NQ-HĐQT/DSC	10/15/2024	Thông qua giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại Hose
20	18/2024/NQ-HĐQT/DSC	31/10/2024	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
21	02/2024/NQ-HĐQT/DSC	28/11/2024	Phê duyệt việc nhận cấp hạn mức tín dụng với ACB
22	03/2024/NQ-HĐQT/DSC	29/11/2024	Phê duyệt ban hành "Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp" và sửa đổi, bổ sung "Quy định về Phòng, chống rửa tiền"
23	21/2024/NQ-HĐQT/DSC	23/12/2024	Phê duyệt việc nhận cấp Hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị DSC:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Anh	23/23	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	23/23	100%	
3	Ông Vũ Nhật Lâm	16/23	69,5%	Lý do cá nhân
4	Ông Bạch Quốc Vinh	23/23	100%	

Trong năm 2024, không có thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty, có chức năng thực hiện dựa trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của phòng Kiểm toán nội bộ bao gồm: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp Luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con,...



Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP DSC sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban Kiểm soát	25.000	0,0122%
2	Lê Thị Liên	Thành viên Ban kiểm soát	8.000	0,0039%
3	Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên Ban Kiểm soát	6.400	0,0031%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động chung

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC năm 2024.

Hoạt động giám sát đối với Hội đồng Quản trị

Trong quá trình thực hiện chức năng của mình, Ban Kiểm soát còn dành thời gian tham gia phiên họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu như:

- » Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của HĐQT, tích cực triển khai việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- » Trực tiếp đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty, nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc.

STT	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	4/4	100%	100%	
2	Lê Thị Liên	4/4	100%	100%	
3	Bùi Thị Ngọc Ly	4/4	100%	100%	

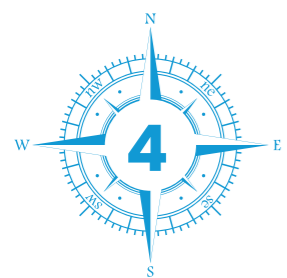


Quan hệ nhà đầu tư

DSC cam kết tuân thủ chặt chẽ quy định về công bố thông tin, đảm bảo minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, cung cấp thông tin định kỳ/bất thường và kết quả kinh doanh bằng tiếng Việt & tiếng Anh để nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng cập nhật.

Bên cạnh đó, DSC đảm bảo duy trì sự kiện Hội nghị Nhà đầu tư theo quý nhằm tạo cầu nối trao đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, giúp cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về DSC, tăng sự tin tưởng và an tâm khi đầu tư.





Phát triển bền vững

68 Định hướng và chính sách nhân sự

Báo cáo thường niên **2024**





Định hướng Quản trị & Phát triển Nhân sự DSC năm 2025

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lương, thưởng của Công ty

- » Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, học hỏi nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn trong công việc để nâng cao thu nhập, tạo sự an tâm gắn bó và nâng cao mức độ hài lòng của người lao động.

Chính sách lương: Tiền lương là một trong những chính sách quan trọng được Công ty đặc biệt quan tâm và đã phân định vị trí, chức danh, tính chất công việc, kết quả kinh doanh để định giá tiền lương phù hợp mỗi người lao động. Tiền lương được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người lao động cho hiệu quả chung của Công ty theo quy chế cụ thể được công bố tới từng CBNV.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Bộ Luật lao động, Công ty có chính sách thưởng dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty và đóng góp của mỗi cá nhân đối với kết quả kinh doanh đó, mức độ hoàn thành công việc; ...

Chính sách phúc lợi, trợ cấp

- » Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.
- » Để đảm bảo sức khỏe cho NLĐ, hàng năm, Công ty duy trì việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho CBNV.
- » Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc và văn phòng chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị máy tính cá nhân và các công cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng HCNS có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.
- » Công ty tập trung chú trọng đến đời sống tinh thần cho CBNV, thường xuyên tổ chức các chương trình nhằm tăng sự giao lưu, kết nối và chia sẻ giữa CBNV cũng như giúp CBNV giải tỏa sau những giờ làm việc căng thẳng: tổ chức các hoạt động happy hour thứ 6 hàng tuần cho CBNV, triển khai các hoạt động happy juice cho CBNV hàng ngày vào mỗi buổi chiều

Hoạt động đào tạo người lao động

Chính sách đào tạo

Công ty tập trung công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thông qua các hợp đồng đào tạo, nâng cao các kiến thức chuyên môn. Trong công tác đào tạo và phát triển nhân lực luôn được thực hiện song song với việc quản lý con người thông qua đánh giá kết quả làm việc, làm cơ sở trả lương cho từng vị trí, bộ phận trong toàn Công ty.

Đặc biệt, đi cùng với xu thế ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên toàn cầu, DSC cũng nhận thức được tầm quan trọng và tổ chức các khóa đào tạo về AI cho CBNV để bắt kịp xu thế thị trường,



Trách nhiệm với Nhà nước – Thượng tôn pháp luật, đóng góp có trách nhiệm

Với mục tiêu phát triển hiệu quả, bền vững, ngay từ những ngày đầu tái cơ cấu hoạt động, Hội đồng Quản trị đã quán triệt sâu sắc tinh thần thượng tôn pháp luật trong mọi hoạt động của công ty.

Trước các quyết định quan trọng, vấn đề rủi ro pháp lý luôn được quan tâm hàng đầu, với quan điểm không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do cố tình vi phạm các quy định pháp luật.

Do đó, DSC luôn tuân thủ Luật, Quy định, Hướng dẫn có liên quan trong quá trình hoạt động; Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho các cơ quan quản lý nhà nước. Nộp ngân sách đầy đủ theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, DSC cũng là thành viên tích cực và trách nhiệm với thị trường: Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế và tích cực tham gia hoạt động của cơ quan quản lý.

Trách nhiệm với Cổ đông – Minh bạch Thông tin & Gia tăng Giá trị

Công ty đã thực hiện tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường (khi cần thiết) để xin ý kiến, trao đổi, lắng nghe ý kiến của cổ đông nhằm có chính sách phát triển công ty hài hòa với lợi ích của cổ đông.

Chủ động chia sẻ thông tin định kỳ: Hàng tháng/quý, Ban lãnh đạo cập nhật tình hình kinh doanh, giúp cổ đông & nhà đầu tư nắm bắt thông tin kịp thời.

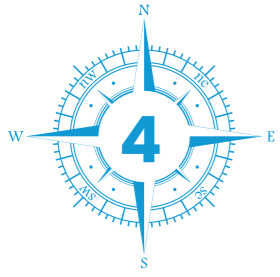
Chuyển sản thành công: Cổ phiếu DSC từ UPCOM sang HOSE, khẳng định cam kết minh bạch & gia tăng giá trị cho cổ đông.

Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

Song song cùng với hoạt động kinh doanh, công ty cũng luôn giành một phần lợi nhuận hoạt động để xây dựng các quỹ hỗ trợ trẻ em, người nghèo, các gia đình thương binh liệt sỹ nhằm tạo môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng.

Bên cạnh đó, CBNV tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện như hiến máu tình nguyện “**Những trái tim Thành Công - Trao giọt hồng, gửi yêu thương**”, thể hiện tinh thần DSC vì cộng đồng và xã hội. hay tham gia hỗ trợ nhu yếu phẩm cho những hộ gia đình chịu ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 (tên quốc tế: Yagi).





Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

- 03 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 05 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 06 Báo cáo tài chính
- 09 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tài chính
- 10 Báo cáo kết quả hoạt động
- 12 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 14 Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng
- 15 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- 17 Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo thường niên **2024**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 04/07/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận; không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi:

Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 47. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hoàng Thị Vinh

Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2023-026-1

Lê Đại Dương

Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM
Việt Nam Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.756.139.855.473	4.083.140.920.041
I. Tài sản tài chính	110		5.751.946.696.325	4.079.570.710.545
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
1.1. Tiền	111.1		480.274.656.275	63.163.827.831
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	112	4.3.1	2.779.791.689.000	1.678.898.604.741
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	270.000.000.000	443.456.986.302
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	2.186.281.583.458	1.491.524.069.980
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(36.224.742.061)	(36.190.290.925)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	66.304.341.774	438.706.120.661
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	177.1		-	349.729.000.000
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		66.304.341.774	88.977.120.661
6.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		33.396.122.603	11.930.216.170
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		32.908.219.171	77.046.904.491
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	4.225.000.000	736.662.000
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	2.930.328.081	910.890.157
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	243.010.092	243.010.092
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.193.159.148	3.570.209.496
1. Tạm ứng	131	4.5	70.204.715	133.368.180
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	3.158.044.433	2.836.841.316



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		914.640.000	600.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	137		50.270.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.150.267.357	39.507.306.875
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.889.090.993	15.689.598.371
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.056.821.857	8.903.523.778
Nguyên giá	222		14.966.290.869	13.507.833.770
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.909.469.012)	(4.604.309.992)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.832.269.136	6.786.074.593
Nguyên giá	228		10.886.918.480	10.613.474.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.054.649.344)	(3.827.399.887)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		22.261.176.364	23.817.708.504
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.496.952.886	3.099.484.500
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	9.992.418.455	13.664.256.972
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	9.771.805.023	7.053.967.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.792.290.122.830	4.122.648.226.916



NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.390.676.192.879	1.888.854.149.281
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.388.326.479.655	1.887.721.412.582
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.15	3.340.274.390.000	1.849.251.760.300
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.340.274.390.000	1.849.251.760.300
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.10	1.953.212.364	3.769.685.931
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	517.873.252	1.317.159.064
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		240.000.000	209.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	321	4.14	25.381.397.583	17.953.451.681
6. Phải trả người lao động	323		7.830.541.661	8.148.510.759
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		194.267.480	191.207.480
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	6.219.144.612	3.758.276.366
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		104.500.000	104.500.000
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	2.295.928.729	3.005.944.951
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.315.223.974	11.416.050
II. Nợ phải trả dài hạn	340		2.349.713.224	1.132.736.699
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.6	2.349.713.224	1.132.736.699
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.16	2.401.613.929.951	2.233.794.077.635
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.401.613.929.951	2.233.794.077.635
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.048.889.250.000	2.048.889.250.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1 a		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		352.448.166.187	184.628.313.871
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.792.290.122.830	4.122.648.226.916



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾ				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		204.838.925	204.838.925
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	112.079.760.000	64.061.090.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	012	5.2	11.940.000	11.940.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		9.412.739.210.000	7.750.631.269.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		9.193.422.790.000	7.572.673.069.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		124.572.700.000	51.830.500.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4	4.8	645.640.000	16.896.640.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		94.098.080.000	109.231.060.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		1.179.430.000	926.430.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.179.430.000	926.430.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	023	5.3	94.075.300.000	123.529.550.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư (VND) quyền của	025	5.4	8.191.680.000	111.762.740.000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.5	290.098.983.593	462.744.420.595
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		289.824.563.378	462.704.308.296
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		274.420.215	40.112.299
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán GD chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		17.997.037	35.703.451
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán GD chứng khoán của NĐT nước ngoài	029.2		256.423.178	4.408.848
6. Phải trả NĐT về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031		290.076.907.821	462.690.540.313
6.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.1		289.916.308.289	462.685.865.361
6.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.2		160.599.532	4.674.952
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	031.1	5.6	22.075.772	53.880.282



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 Trình bày lại (VND)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		179.126.840.914	148.026.070.092
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.1		28.532.163.322	16.651.149.068
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2		53.945.648.351	24.924.810.201
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.1	96.649.029.241	106.450.110.823
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	9.980.263.314	17.906.837.205
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	197.292.446.866	135.356.561.328
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		103.975.163.406	103.914.009.439
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.761.000.000	27.640.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		3.143.235.986	2.223.600.150
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.581.818.182	3.168.181.818
1.9. Doanh thu hoạt động khác	11		248.466.246	211.624.559
Cộng doanh thu hoạt động	20		503.109.234.914	438.446.884.591
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		34.782.555.522	1.380.886.079
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1		4.095.684.751	658.384.189
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2		29.826.863.351	615.646.090
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			860.007.420	106.855.800
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	6.2	34.451.136	33.065.268.171
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	870.000
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	121.230.854.531	102.963.604.584



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 Trình bày lại (VND)
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	6.2	1.076.413.500	5.679.372.537
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	3.117.307.998	5.480.482.436
2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	3.353.921.807	2.494.874.288
2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.2	1.892.252.164	282.014.547
Cộng chi phí hoạt động	40		165.487.756.658	151.347.372.642
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2.505.555.661	2.314.788.934
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.505.555.661	2.314.788.934
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52	6.3	71.932.753.915	100.846.775.758
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CTY CHỨNG KHOÁN	62	6.4	47.495.849.385	38.401.736.621
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		220.698.430.617	150.165.788.504
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		52.687.903	147.013
8.2. Chi phí khác	72		65.859.514	199.518
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(13.171.611)	(52.505)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		220.685.259.006	150.165.735.999
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		43.865.406.690	30.248.947.687
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.5	42.648.430.165	29.116.210.988
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.6	1.216.976.525	1.132.736.699
XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		176.819.852.316	119.916.788.312
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. LÃI THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		176.819.852.316	119.916.788.312
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(VND/cổ phiếu)	501	4.16.4	863	753
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu(VND/cổ phiếu)	501	4.16.4	863	753



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.5	220.685.259.006	150.165.735.999
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(1.264.995.795)	61.535.724.165
- Khấu hao tài sản cố định	03		3.897.088.210	3.615.875.914
- Các khoản dự phòng	04		34.451.136	33.065.268.171
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(9.188.437.080)	(2.314.788.934)
- Chi phí lãi vay	06	6.3	71.932.753.915	100.846.775.758
- Dự thu tiền lãi	08		(67.940.851.976)	(73.677.406.744)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		29.826.863.351	615.646.090
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		29.826.863.351	615.646.090
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(53.945.648.351)	(24.924.810.201)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(53.945.648.351)	(24.924.810.201)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(1.275.718.519.799)	(1.712.826.431.409)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1.076.774.299.259)	(530.162.906.516)
- Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		173.456.986.302	(230.456.986.302)
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(694.757.513.478)	(493.845.757.697)
- Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		440.342.630.863	(330.413.628.887)
- (Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(1.988.937.924)	(363.902.551)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(4.815.454)	2.269.629
- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40		63.163.465	(5.153.280)
- Tăng chi phí phải trả	41		22.386.335	438.090.648
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42		3.350.635.400	(2.981.779.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	4.14	(33.928.525.007)	(23.021.875.616)
- Lãi vay đã trả	44		(69.494.272.004)	(107.642.186.926)
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	4.14	(6.309.297.379)	2.839.175.301
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		3.060.000	13.290.000



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 Trình bày lại (VND)
- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		(1.291.959.256)	1.891.070.370
- (Giảm)/tăng phải trả người lao động	48		(317.969.098)	2.725.244.566
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50		(504.816.222)	501.559.501
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		287.891.614	279.041.592
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(7.872.868.697)	(2.621.995.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(1.080.417.041.588)	(1.525.434.135.356)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(2.096.580.832)	(831.658.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	62		2.727.273	-
3. Đầu tư tài chính dài hạn	65		8.599.093.891	2.314.788.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		6.505.240.332	1.483.130.419
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71	4.16	-	1.048.389.250.000
2. Tiền thu từ đi vay	73	4.15	11.062.938.289.725	9.900.591.451.808
2.1. Tiền vay khác	73.2		11.062.938.289.725	9.900.591.451.808
3. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.15	(9.571.915.660.025)	(9.362.433.782.998)
3.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(9.571.915.660.025)	(9.362.433.782.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		1.491.022.629.700	1.586.546.918.810
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		417.110.828.444	62.595.913.873
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
Tiền	101.1		63.163.827.831	567.913.958
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
Tiền	103.1		480.274.656.275	63.163.827.831
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-



PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		38.730.833.636.490	34.882.290.098.260
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(40.374.252.786.110)	(33.903.794.592.140)
3. (Chi trả)/Nhận tiền gửi để thanh toán GDCK của khách hàng	07		1.473.023.887.127	(728.930.863.810)
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2.250.174.509)	(1.763.608.329)
Tăng tiền thuần trong năm	20		(172.645.437.002)	247.801.033.981
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		462.744.420.595	214.943.386.614
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về GDCK theo phương thức CTCK quản lý	32		462.704.308.296	213.327.402.277
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		40.112.299	1.615.984.337
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	5.5	290.098.983.593	462.744.420.595
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		290.098.983.593	462.744.420.595
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về GDCK theo phương thức CTCK quản lý	42		289.824.563.378	462.704.308.296
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		274.420.215	40.112.299



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 23/8/2023 theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là 2.048.389.250.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 204.838.925 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 24/09/2024, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSC theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 221 người (tại ngày 01/01/2024 là 208 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC - Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1, số 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh



1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- » Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- » Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- » Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- » Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- » Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.



Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- » Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- » Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu hoặc;
- » Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- » Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- » Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- » Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- » Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TTBTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - » Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - » Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.



3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động.

- » Chi phí thiết kế, thi công văn phòng;
- » Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- » Chi phí trả trước khác;

3.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.12 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Thời gian sử dụng ước tính(năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.13 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Phần mềm máy vi tính	03 – 08

Bảng sáng chế và nhãn hiệu

Bảng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Bảng sáng chế và nhãn hiệu	03 – 05

3.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.



Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: Các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2024, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.doanh.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	480.274.656.275	63.163.827.831
Cộng	480.274.656.275	63.163.827.831

4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2024		Năm 2023	
	Khối lượng GD thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng GD thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của Công ty	180.753.463	17.953.913.387.700	32.239.560	3.263.606.926.223
Cổ phiếu	19.613.463	577.005.097.700	10.913.201	291.892.275.280
Trái phiếu	161.140.000	17.376.858.290.000	21.326.359	2.971.714.650.943
Của nhà đầu tư	3.439.688.042	79.137.231.732.010	3.631.325.811	68.990.464.440.000
Cổ phiếu	3.439.652.242	79.136.074.420.000	3.631.298.011	68.990.225.430.000
Chứng chỉ quỹ	34.800	1.041.210.000	27.800	239.010.000
Trái phiếu	1.000	116.102.010	-	-
Cộng	3.620.441.505	97.091.145.119.710	3.663.565.371	72.254.071.366.223



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)		Tại ngày 01/01/2024(VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	297.996.541.471	319.791.689.000	206.634.531.553	227.337.770.741
ACB	98.512.350.000	104.195.106.000	62.986.440.000	70.323.360.000
VAB			2.897.790.000	574.541.741
OCB	1.455.818.259	1.375.524.000	1.581.600.167	1.596.000.000
FPT	672.000.000	762.500.000	67.897.158.174	72.843.800.000
SSI			71.271.085.000	82.000.000.000
MBB	63.563.840.000	69.092.770.000	-	-
CTG	70.138.020.000	80.582.040.000	-	-
HCM	62.490.555.000	62.716.080.000	-	-
KDH	366.000.000	397.100.000	-	-
NLG	452.000.000	365.500.000	-	-
MWG	345.500.000	305.000.000	-	-
Cổ phiếu khác	458.212	69.000	458.212	69.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.010.000	-	10.010.000	-
CTCP Xây dựng công trình Giao thông Đà Nẵng	10.010.000	-	10.010.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	2.460.000.000.000	2.460.000.000.000	1.451.560.834.000	1.451.560.834.000
Cộng	2.758.006.551.471	2.779.791.689.000	1.658.205.375.553	1.678.898.604.741



4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	270.000.000.000	270.000.000.000	443.456.986.302	443.456.986.302
Cộng	270.000.000.000	270.000.000.000	443.456.986.302	443.456.986.302

4.3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)		Tại ngày 01/01/2024(VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	2.080.142.095.589	2.043.917.353.528	1.389.807.851.964	1.353.617.561.039
Ông Cấn Lương Minh (i)	1.518.200.000	22.004.787	1.518.200.000	32.273.688
Ông Nguyễn Quang Lĩnh (i)	1.220.900.000	20.225.142	1.220.900.000	29.663.542
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	21.125.433	1.400.900.000	30.983.968
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	10.468.500	705.200.000	15.353.800
Bà Lê Thị Hồng (ii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Vĩnh Huy (ii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Kháng (ii)	14.217.912.441	-	14.217.912.441	-
Nhà đầu tư khác (ii)	2.043.843.529.666	2.043.843.529.666	1.353.509.286.041	1.353.509.286.041
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	106.139.487.869	106.139.487.869	101.716.218.016	101.716.218.016
Cộng	2.186.281.583.458	2.150.056.841.397	1.491.524.069.980	1.455.333.779.055

(i) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch kỳ quỹ từ năm 2016. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2024 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và đánh giá rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

(ii) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch kỳ quỹ từ năm 2022. Trong năm 2022, Công ty đã giải ngân cho vay kỳ quỹ 03 nhà đầu tư cá nhân gồm ông Nguyễn Kháng, ông Nguyễn Vĩnh Huy, bà Lê Thị Hồng với mã cổ phiếu cho vay kỳ quỹ là NVL. Đây là các khoản vay kỳ quỹ được đảm bảo bằng tiền và chứng khoán của chính các nhà đầu tư. Chứng khoán cho vay kỳ quỹ nằm trong danh mục được phép cho vay và tỷ lệ cho vay tuân thủ đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước tại thời điểm cho vay.

Sau quá trình Công ty xử lý bán toàn bộ cổ phiếu NVL trong danh mục chứng khoán của các Nhà đầu tư trên đang nắm giữ để thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật, số nợ gốc và lãi cho vay chưa thu hồi được tại ngày 31/12/2023 là 33.089.876.125 VND. Ngày 8/12/2022, các Nhà đầu tư đã làm việc và đề xuất phương thức trả nợ cho Công ty đối với khoản nợ gốc và lãi còn lại của khoản vay kỳ quỹ. Theo đó, các Nhà đầu tư cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng với Công ty thông qua việc bán tài sản hợp pháp thuộc Dự án tổ hợp Khu du lịch Thung Lũng Đại Dương.



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)

4.3.3 Các khoản cho vay (tiếp)

Chi tiết các quyền tài sản sử dụng để đảm bảo thanh toán như sau:

Khách hàng	Số dư cho vay tại ngày 01/01/2024 (VND)	Số dư cho vay tại ngày 31/12/2024 (VND)	Số dư lãi vay lũy kế đến ngày 31/12/2024 (VND)	Tài sản dùng để đảm bảo (*) (VND)
Lê Thúy Hồng	8.617.726.741	8.617.726.741	448.382.887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-4.32
Nguyễn Vĩnh Huy	8.617.726.741	8.617.726.741	448.382.887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.2-4.16
Nguyễn Kháng	14.217.912.441	14.217.912.441	739.744.428	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-3.07 và NWP.5.1-3.08
Tổng cộng	31.453.365.923	31.453.365.923	1.636.510.202	Tổng giá trị các quyền tài sản là 33,063,280,000 VND

(*) Giá trị các quyền tài sản được xác định dựa trên Chứng thư thẩm định giá số 050123/CT/DIAMONDRV ngày 05/01/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Bất động sản Kim Cương. Các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 28/11/2022. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng 100% số dư cho vay và lãi vay (với tổng số tiền là 33.089.876.125 VND) trong năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 01/12/2023 để đảm bảo thận trọng trong quản trị rủi ro và dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, do đó Công ty không ghi nhận doanh thu cho vay phát sinh thêm trong năm 2024.

4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (i)	(36.224.742.061)	(36.190.290.925)
Ông Cấn Lương Minh	(1.496.195.213)	(1.485.926.312)
Ông Nguyễn Quang Lĩnh	(1.200.674.858)	(1.191.236.458)
Ông Tạ Ngọc Anh	(1.379.774.567)	(1.369.916.032)
Ông Nguyễn Trung Toàn	(694.731.500)	(689.846.200)
Bà Lê Thị Hồng	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Kháng	(14.217.912.441)	(14.217.912.441)
Cộng	(36.224.742.061)	(36.190.290.925)

(i) Trích lập dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".

4.5 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
1. Các khoản thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, Trong đó:	66.304.341.774	438.706.120.661
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	33.396.122.603	11.930.216.170
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	32.908.219.171	77.046.904.491
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	349.729.000.000
2. Trả trước cho người bán, Trong đó:	4.225.000.000	736.662.000
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	3.740.000.000	-
- Công ty khác	485.000.000	736.662.000
3. Các khoản phải thu khác	243.010.092	243.010.092
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.930.328.081	910.890.157
6. Tạm ứng	70.204.715	133.368.180
Cộng	71.893.714.368	438.850.880.796

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.5 Các loại tài sản tài chính (tiếp)

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2024 (VND)	Số dự phòng tại ngày 01/01/2024 (VND)	Số trích lập trong năm (VND)	Số hoàn nhập trong năm (VND)	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2024 (VND)	Số dự phòng tại ngày 31/12/2024 (VND)
Các khoản phải thu khác	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092
Bà Võ Thị Xuân Trang	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
Bà Nguyễn Thị Thùy	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.636.510.202	1.636.510.202	-	-	1,636,510,202	1.636.510.202
Bà Lê Thị Hồng	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Kháng	739.744.428	739.744.428	-	-	739.744.428	739.744.428
Cộng	1.879.170.294	1.879.170.294	-	-	1.879.170.294	1.879.170.294

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	148.335.074	9.201.985
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.009.709.359	2.827.639.331
Cộng	3.158.044.433	2.836.841.316
Dài hạn		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	3.556.098.474	7.298.827.733
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	4.586.583.257	4.750.699.871
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.849.736.724	1.614.729.368
Cộng	9.992.418.455	13.664.256.972

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị (VND)	Thiết bị, dụng cụ, quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2024	12.633.143.514	874.690.256	13.507.833.770
Mua sắm	32.120.000	1.791.016.832	1.823.136.832
Thanh lý, nhượng bán	(364.679.733)	-	(364.679.733)
Tại ngày 31/12/2024	12.300.583.781	2.665.707.088	14.966.290.869
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2024	4.533.676.995	70.632.997	4.604.309.992
Khấu hao	2.273.427.435	396.411.318	2.669.838.753
Thanh lý, nhượng bán	(364.679.733)	-	(364.679.733)
Tại ngày 31/12/2024	6.442.424.697	467.044.315	6.909.469.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	8.099.466.519	804.057.259	8.903.523.778
Tại ngày 31/12/2024	5.858.159.084	2.198.662.773	8.056.821.857

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.583.546.780 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.650.546.513 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.8 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế (VND)	Nhãn hiệu, tên thương mại (VND)	Chương trình phần mềm (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	88.000.000	132.000.000	10.393.474.480	10.613.474.480
Mua sắm	-	-	273.444.000	273.444.000
Tại ngày 31/12/2024	88.000.000	132.000.000	10.666.918.480	10.886.918.480
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	54.388.879	48.950.000	3.724.061.008	3.724.061.008
Khấu hao	29.333.328	26.400.000	1.171.516.129	1.227.249.457
Tại ngày 31/12/2024	83.722.207	75.350.000	4.895.577.137	5.054.649.344
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	33.611.121	83.050.000	6.669.413.472	6.786.074.593
Tại ngày 31/12/2024	4.277.793	56.650.000	5.771.341.343	5.832.269.136

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.157.317.800 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.930.878.800 VND).

4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Tiền nộp ban đầu	7.053.967.032	5.040.971.118
Tiền nộp bổ sung	2.176.676.621	1.689.672.535
Tiền lãi phân bổ trong năm	541.161.370	541.161.370
Cộng	9.771.805.023	7.053.967.032



4.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Sở Giao dịch chứng khoán	1.446.656.952	1.717.154.896
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	506.555.412	2.052.531.035
Cộng	1.953.212.364	3.769.685.931

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	-	895.701.400
Các công ty khác	517.873.252	421.457.664
Cộng	517.873.252	1.317.159.064

4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	5.632.078.883	3.193.596.972
Chi phí phải trả khác	587.065.729	564.679.394
Cộng	6.219.144.612	3.758.276.366

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	794.333.648	717.860.000
Cộng tác viên phát triển khách hàng	1.497.354.081	2.270.061.912
Đối tượng khác	4.241.000	18.023.039
Cộng	2.295.928.729	3.005.944.951



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2024 (VND)		Trong năm (VND)		Tại ngày 31/12/2024 (VND)	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	-		38.196.462	38.196.462	-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.856.259	642.278.691	733.224.977	-	96.802.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.545.076.967	33.928.525.007	42.648.430.165	-	22.264.982.125
Thuế thu nhập cá nhân	-	969.747.126	9.889.424.285	9.321.461.844	-	401.784.685
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	-				-	
Nhà đầu tư	-	3.432.771.329	44.236.013.932	43.421.070.831	-	2.617.828.228
Các loại thuế khác	-	-	24.523.294	24.523.294	-	-
Cộng	-	17.953.451.681	88.720.765.209	96.148.711.111	-	25.381.397.583

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2024 (VND)		Trong năm (VND)		Tại ngày 31/12/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	1.261.384.274.800	1.261.384.274.800	7.591.217.289.725	7.285.796.174.525	1.566.805.390.000	1.566.805.390.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	137.867.485.500	137.867.485.500	882.469.000.000	606.867.485.500	413.469.000.000	413.469.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (iii)	-	-	630.000.000.000	270.000.000.000	360.000.000.000	360.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội	450.000.000.000	450.000.000.000	1.559.252.000.000	1.409.252.000.00	600.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (v)	-	-	400.000.000.000	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	1.849.251.760.300	1.849.251.760.300	11.062.938.289.725	9.571.915.660.025	3.340.274.390.000	3.340.274.390.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

Số hợp đồng	Tại ngày 01/01/2024 (VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1412941/HĐTD ngày 10/6/2024	1.566.805.390.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, m ở L/C phục vụ trái phiếu chính phủ, giấy tờ có giá và chứng khoán khác. Đầu tư kinh doanh cổ phiếu.
(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT128-DSC ngày 16/12/2024	413.469.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
(iii) Hợp đồng cấp tín dụng số 23/TAH/2748839/HĐCTD/01 ngày 31/8/2023	360.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng phát hành
(iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.0280/2024/HĐTDHMDN/PGBankĐD ngày 07/5/2024	600.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh tự doanh của công ty
(v) Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.4960.251124 ngày 29/11/2024	400.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động chi trả chi phí vận hành, đầu tư, mua trái phiếu chính phủ; hoàn vốn cho các giao dịch đầu tư mua trái phiếu chính phủ
Cộng	3.340.274.390.000			

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
Tại ngày 01/01/2023	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	64.711.525.559	1.065.488.039.323
Góp vốn	1.048.389.250.000	-	-	-	-	1.048.389.250.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	119.916.788.312	119.916.788.312
Tại ngày 31/12/2023	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Tại ngày 01/01/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Lãi trong năm	-	-	-	-	176.819.852.316	176.819.852.316
Chia các quỹ (i)	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	352.448.166.187	2.401.613.929.951

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 9.000.000.000 VND từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/3/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp		Tại ngày 01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Anh	729.998.000.000	35,64	729.998.000.000	35,64
Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	700.000.000.000	34,17	700.000.000.000	34,17
Các cổ đông khác	618.391.250.000	30,19	618.391.250.000	30,19
Cộng	2.048.389.250.000	100	2.048.389.250.000	100

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024 (Cổ phiếu)	Tại ngày 01/01/2024 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	205.000.000	205.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.4 Lãi cơ bản/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (Trình bày lại) (VND)
Lãi kế toán sau thuế TNDN (VND)	176.819.852.316	119.916.788.312
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	9.000.000.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	204.838.925	147.319.789
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	863	753

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 9.000.000.000 VND từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/3/2024.

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	112.079.760.000	64.061.090.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	112.079.760.000	64.061.090.000

5.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Cổ phiếu	11.940.000	11.940.000
Cộng	11.940.000	11.940.000

5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Cổ phiếu và chứng quyền	94.075.300.000	123.529.550.000
Cộng	94.075.300.000	123.529.550.000

5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Cổ phiếu	8.191.680.000	111.762.740.000
Cộng	8.191.680.000	111.762.740.000

5.5 Tiền gửi của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	289.824.563.378	462.704.308.296
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	289.810.369.904	462.699.244.856
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	14.193.474	5.063.440
Tiền gửi bù trừ và thanh toán GD chứng khoán	274.420.215	40.112.299
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	17.997.037	35.703.451
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	256.423.178	4.408.848
Cộng	290.098.983.593	462.744.420.595

5.6 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	22.075.772	53.880.282
Cộng	22.075.772	53.880.282



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Từ tài sản tài chính FVTPL	96.649.029.241	106.450.110.823
Từ tài sản tài chính HTM	9.980.263.314	17.906.837.205
Từ các khoản cho vay và phải thu	197.292.446.866	135.356.561.328
Cộng	303.921.739.421	259.713.509.356

6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	121.230.854.531	102.963.604.584
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.117.307.998	5.480.482.436
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.353.921.807	2.494.874.288
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.076.413.500	5.679.372.537
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay (i)	34.451.136	33.065.268.171
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.892.252.164	282.014.547
Cộng	130.705.201.136	149.965.616.563

(i) Số trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2024 chủ yếu liên quan các khoản cho vay như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".

6.3 Chi phí lãi vay

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Lãi tiền vay	71.932.753.915	100.846.775.758
Lãi vay ngân hàng	71.932.753.915	79.288.775.758
Lãi vay cá nhân	-	21.558.000.000
Cộng	71.932.753.915	100.846.775.758



6.4 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	28.626.818.535	24.540.822.624
Chi phí vật liệu văn phòng	84.700.896	175.881.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	867.654.774	1.521.958.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.975.904	450.327.243
Thuế và các khoản lệ phí	6.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.937.885.988	1.439.007.717
Chi phí khác bằng tiền	14.284.813.288	10.266.739.612
Cộng	47.495.849.385	38.401.736.621

6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Lãi kế toán trước thuế	220.685.259.006	150.165.735.999
Điều chỉnh các khoản (giảm) lợi nhuận	(7.443.108.183)	(4.584.681.061)
Chi phí không được trừ	5.402.398.655	1.084.002.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.634.699.600)	(5.000.000)
Chi phí dự phòng phải thu cho vay và lãi vay (i)	(7.108.928.286)	17.363.193.164
(Chênh lệch)/Hoàn nhập chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	898.121.048	(23.026.876.659)
Lãi sau điều chỉnh	213.242.150.823	145.581.054.938
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	213.242.150.823	145.581.054.938
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	42.648.430.165	29.116.210.988
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	42.648.430.165	29.116.210.988
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	13.545.076.967	7.450.741.595
Thuế TNDN đã trả trong năm	(33.928.525.007)	(23.021.875.616)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	22.264.982.125	13.545.076.967

(i) Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu cho vay và lãi vay là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết khoản dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 31/12/2024 (VND)	Tại ngày 01/01/2024 (VND)	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Số dư cuối năm	-	-		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Số dư đầu năm	3.472.638.633			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	-	3.472.638.633	-	(3.472.638.633)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại hoàn nhập trong năm liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	(1.421.785.657)	-	1.421.785.657	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.050.852.976)	(3.472.638.633)	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Số dư cuối năm	2.349.713.224	1.132.736.699		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Số dư đầu năm	4.605.375.332	-		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	4.425.751.122	4.605.375.332	4.425.751.122	4.605.375.332
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoàn nhập trong năm từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	(4.605.375.332)	-	(4.605.375.332)	-
Biến động khác	(25.184.922)	-	(25.184.922)	
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.050.852.976)	(3.472.638.633)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			1.216.976.525	1.132.736.699



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Bạch Quốc Vinh)
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Nguyễn Đức Anh)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	
Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Cung cấp dịch vụ, trả phí tư vấn và mua tài sản

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Công ty CP Đầu tư NTP	-	27.572.500.000
Phí tư vấn đầu tư đã cung cấp	-	25.000.000.000
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	2.572.500.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP	1.525.000.000	-
Trả phí tư vấn đầu tư	1.525.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	408.971.017	-
Mua tài sản	408.971.017	-
Ông Nguyễn Đức Anh	-	2.572.500.000
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	2.572.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	107.287.250
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	107.287.250
Cộng	1.933.971.017	30.606.671.000



Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	3.810.500.000	2.439.500.000
Ông Nguyễn Đức Anh	1.488.000.000	832.000.000
Ông Vũ Nhật Lâm	1.675.000.000	1.365.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	327.500.000	162.500.000
Ông Bạch Quốc Vinh	320.000.000	80.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	160.000.000	130.000.000
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	160.000.000	130.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.200.000.000	2.600.000.000
Ông Bạch Quốc Vinh	3.200.000.000	2.600.000.000
Cộng	7.170.500.000	5.169.500.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh (VND)	Hoạt động môi giới (VND)	Hoạt động lưu ký chứng khoán (VND)	Hoạt động khác (i) (VND)	Tổng cộng (VND)
Năm 2024					
1. Doanh thu	179.126.840.914	103.975.163.406	3.143.235.986	216.863.994.608	503.109.234.914
2. Các chi phí trực tiếp	34.782.555.522	121.230.854.531	3.353.921.807	6.120.424.798	165.487.756.658
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	119.494.462.814
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	2.558.243.564
Lợi nhuận trước thuế	144.344.285.392	(17.255.691.125)	(210.685.821)	210.743.569.810	220.685.259.006
Số dư tại ngày 31/12/2024					
1. Tài sản bộ phận	2.779.791.689.000	9.771.805.023	-	2.491.880.351.050	5.281.443.845.073
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	510.846.277.757
Tổng tài sản	2.779.791.689.000	9.771.805.023	-	2.491.880.351.050	5.792.290.122.830
Nợ phải trả tại ngày 31/12/2024					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	2.617.828.228	-	-	2.617.828.228
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.388.058.364.651
Tổng nợ phải trả	-	2.617.828.228	-	-	3.390.676.192.879



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Năm 2023	Hoạt động tự doanh (VND)	Hoạt động môi giới (VND)			
1. Doanh thu	148.026.070.092	103.914.009.439	2.223.600.150	184.283.204.910	438.446.884.591
2. Các chi phí trực tiếp	1.381.756.079	102.963.604.584	2.494.874.288	44.507.137.691	151.347.372.642
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	139.248.711.897
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	2.314.935.947
Lợi nhuận trước thuế	146.644.314.013	950.404.855	(271.274.138)	139.776.067.219	150.165.735.999
Số dư tại ngày 01/01/2024					
1. Tài sản bộ phận	2.028.627.604.741	7.053.967.032	-	1.987.779.277.973	4.023.460.849.746
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	99.187.377.170
Tổng tài sản	2.028.627.604.741	7.053.967.032	-	1.987.779.277.973	4.122.648.226.916
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2024					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	3.432.771.329	-	-	3.432.771.329
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.885.421.377.952
Tổng nợ phải trả	-	3.432.771.329	-	-	1.888.854.149.281

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tư vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.3 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 (VND)
Từ 01 năm trở xuống	9.475.754.741
Trên 01 năm đến 05 năm	6.840.755.315
Cộng	16.316.510.056

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Địa điểm thuê hoạt động	Giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT	Đơn vị tính	Thời hạn thuê
Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.			
Tầng 1	158.945.455	VND/tháng	08/01/2023 - 07/01/2026
Tầng 2	134.673.000	VND/tháng	01/04/2021 - 31/03/2026
Tầng 8	89.913.438	VND/tháng	16/06/2024 - 30/06/2027
Tòa nhà HEAC số 14-16 phố Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm			
Tầng 1	244.692.364	VND/tháng	01/07/2022 - 14/05/2027
Tòa nhà tại địa chỉ số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh			
Tầng 1, 2, 3, 4	299.609.500	VND/tháng	03/06/2022 - 02/06/2025
Tòa nhà số 130 đường Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng			
Tầng 3 nhà B	36.584.680	VND/tháng	01/06/2024 - 30/06/2027



7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm nay. công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiêu	Số liệu trước điều chỉnh (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu sau điều chỉnh (VND)
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	814	(61)	753
2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	814	(61)	753

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập

Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng giám đốc

Ngày 05 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 2, Thành Công Building, số 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3880 3456

Email: info@dsc.com.vn

Phòng Giao dịch Hàm Long

Địa chỉ: Số 14 – 16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 14 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

